



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Do UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản

Tháng 12

Số 66 (01/12/2007)

MỤC LỤC

Ngày ban hành	Trích yếu nội dung	Trang
ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ		
01-11-2007	- Quyết định số 130/2007/QĐ-UBND về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hồ Chí Minh	3
08-11-2007	- Quyết định số 5045/QĐ-UBND về phê duyệt điều chỉnh cơ cấu phát hành trái phiếu đô thị thành phố Hồ Chí Minh năm 2007	15
09-11-2007	- Quyết định số 5067/QĐ-UBND về duyệt nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng khu Công viên phần mềm Quang Trung, phường Tân Chánh Hiệp, quận 12, diện tích 43,45397ha	17
10-11-2007	- Chỉ thị số 26/2007/CT-UBND về việc tập trung chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ cấp bách phòng, chống dịch tiêu chảy cấp trên địa bàn thành phố	20

- 12-11-2007 - Quyết định số 5084/QĐ-UBND về ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư các dự án có sử dụng đất trên địa bàn thành phố 23
- 13-11-2007 - Quyết định số 131/2007/QĐ-UBND về ban hành Quy chế phối hợp quản lý, bảo trì, khai thác, nâng cấp và phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông công chính giữa Sở Giao thông - Công chính và Ủy ban nhân dân các quận - huyện 29

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 12

- 02-11-2007 - Chỉ thị số 06/2007/CT-UBND về công tác đăng ký nghĩa vụ quân sự, tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ, công tác tuyển sinh quân sự năm 2008 40
- 06-11-2007 - Quyết định số 15/2007/QĐ-UBND về ban hành Quy trình phối hợp phòng ngừa và xử lý những trường hợp khiếu nại, tố cáo đông người, vi phạm trật tự công cộng 43

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN

- 26-10-2007 - Quyết định số 05/2007/QĐ-UBND về việc ban hành Quy chế tạm thời về tổ chức và hoạt động của lực lượng dân phòng tự nguyện ở xã, thị trấn. 55

THÀNH PHỐ**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 130/2007/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 11 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH**Về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của
Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hồ Chí Minh****ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 171/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2004 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 15/2003/TTLT-BKHCN-BNV ngày 15 tháng 7 năm 2003 của Liên Bộ Khoa học và Công nghệ - Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban nhân dân quản lý Nhà nước về khoa học và công nghệ ở địa phương;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ thành phố tại Công văn số 738/SKHCN-VP ngày 27 tháng 8 năm 2007 và Giám đốc Sở Nội vụ thành phố tại Tờ trình số 710/TTr-SNV ngày 09 tháng 10 năm 2007,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký. Bãi bỏ Quyết định số 89/2004/QĐ-UB ngày 09 tháng 4 năm 2004 của Ủy ban nhân dân

thành phố về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Khoa học và Công nghệ thành phố.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ thành phố, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Thủ trưởng các sở - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC

Nguyễn Thành Tài

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Tổ chức và hoạt động của

Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hồ Chí Minh

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 130/2007/QĐ-UBND
ngày 01 tháng 11 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là Sở Khoa học và Công nghệ) là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, giúp Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về hoạt động khoa học và công nghệ, phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ trên tất cả các lĩnh vực kinh tế - xã hội, tiêu chuẩn đo lường chất lượng sản phẩm; sở hữu trí tuệ (không bao gồm quyền tác giả về văn học, nghệ thuật), an toàn bức xạ và hạt nhân trên địa bàn thành phố theo quy định của pháp luật.

Sở Khoa học và Công nghệ chịu sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp về tổ chức, biên chế và hoạt động của Ủy ban nhân dân thành phố, đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn và kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 2. Sở Khoa học và Công nghệ có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, được cấp kinh phí hoạt động từ ngân sách, được mở tài khoản tại ngân hàng và Kho bạc Nhà nước theo quy định của Nhà nước.

Trụ sở làm việc của Sở Khoa học và Công nghệ đặt tại số 244 Điện Biên Phủ, phường 7, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Sở Khoa học và Công nghệ có tên gọi bằng tiếng Anh là The Department of Science and Technology (gọi tắt là DOST).

Chương II

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

Điều 3. Về công tác thi hành pháp luật

1. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về hoạt động nghiên cứu, phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ; tiêu chuẩn đo lường chất lượng sản phẩm, sở hữu trí tuệ, an toàn bức xạ và hạt nhân, thông tin khoa học công nghệ, hợp tác quốc tế về khoa học - công nghệ.

2. Trình Ủy ban nhân dân thành phố ban hành các văn bản pháp quy về quản lý và hoạt động khoa học và công nghệ, phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ, tiêu chuẩn đo lường chất lượng sản phẩm, sở hữu trí tuệ, an toàn bức xạ và hạt nhân thông tin khoa học - công nghệ, hợp tác quốc tế về khoa học công nghệ trên địa bàn thành phố theo quy định của pháp luật.

3. Căn cứ vào phương hướng phát triển kinh tế - xã hội của thành phố, xây dựng và trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt quy hoạch, chiến lược, kế hoạch 5 năm, hàng năm và nhiệm vụ về khoa học và công nghệ, phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ, tiêu chuẩn đo lường chất lượng sản phẩm, sở hữu trí tuệ, an toàn bức xạ và hạt nhân; thông tin khoa học - công nghệ, hợp tác quốc tế về khoa học - công nghệ.

4. Ban hành các văn bản về biện pháp quản lý Nhà nước của Sở đối với các lĩnh vực khoa học và công nghệ theo sự phân công của Ủy ban nhân dân thành phố và quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ, hướng dẫn và tổ chức thực hiện kế hoạch, nhiệm vụ nêu tại khoản 3 Điều này sau khi được phê duyệt; theo dõi, kiểm tra, tổ chức đánh giá việc thực hiện các kế hoạch, nhiệm vụ đó.

Điều 4. Về hoạt động khoa học và công nghệ

1. Xây dựng và trình Ủy ban nhân dân thành phố các biện pháp thúc đẩy hoạt động nghiên cứu phát triển khoa học và công nghệ, áp dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất và đời sống.

2. Hướng dẫn các sở, ban, ngành, quận - huyện, các tổ chức khoa học và công nghệ về hoạt động khoa học và công nghệ. Phối hợp với các sở, ban, ngành, các tổ chức khoa học và công nghệ xây dựng và đề xuất các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có tính liên ngành, liên vùng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của thành phố và tổng hợp trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.

3. Tổ chức tuyển chọn và phê duyệt các cá nhân, tổ chức chủ trì thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ của thành phố; theo dõi, kiểm tra thực hiện, tổ chức đánh giá, nghiệm thu và công bố kết quả nghiên cứu khoa học - công nghệ.

4. Quản lý các hoạt động đánh giá, thẩm định, giám định, tư vấn, phản biện và chuyển giao công nghệ trên địa bàn thành phố theo quy định của pháp luật; tổ chức

thẩm định, giám định về chuyên giao công nghệ đối với các dự án đầu tư do thành phố phê duyệt.

5. Theo dõi, tổng hợp, hướng dẫn và tổ chức đánh giá trình độ công nghệ của các tổ chức kinh tế trên địa bàn thành phố.

6. Cấp giấy chứng nhận đăng ký và kiểm tra hoạt động khoa học - công nghệ cho các tổ chức nghiên cứu và phát triển, tổ chức dịch vụ khoa học - công nghệ thuộc các thành phần kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố theo phân cấp và quy định của pháp luật.

7. Trình Ủy ban nhân dân thành phố cơ chế, chính sách khuyến khích các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước ứng dụng rộng rãi các thành tựu khoa học và công nghệ trên địa bàn thành phố và hỗ trợ cho các tổ chức kinh tế, cá nhân trong việc ứng dụng công nghệ, kỹ thuật mới vào sản xuất và đời sống.

8. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thành lập các hội đồng tư vấn khoa học - công nghệ theo quy định của Luật Khoa học và Công nghệ; thực hiện nhiệm vụ làm cơ quan thường trực Hội đồng Khoa học và Công nghệ thành phố.

Điều 5. Về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng

1. Hướng dẫn việc áp dụng tiêu chuẩn Việt Nam, tiêu chuẩn ngành, tiêu chuẩn nước ngoài, tiêu chuẩn quốc tế và các tiêu chuẩn bắt buộc áp dụng theo yêu cầu quản lý của Nhà nước đối với các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn thành phố. Hướng dẫn xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn cơ sở.

2. Tổ chức và quản lý mạng lưới kiểm định, hiệu chuẩn phương tiện đo lường đáp ứng yêu cầu của thành phố; thực hiện việc kiểm định, hiệu chuẩn phương tiện đo lường trong các lĩnh vực và phạm vi được công nhận.

3. Tổ chức, quản lý, hướng dẫn việc công bố tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa, công bố các hàng hóa phù hợp tiêu chuẩn theo phân công, phân cấp của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

4. Phối hợp với các cơ quan liên quan thanh tra, kiểm tra, đánh giá chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn thành phố.

5. Tổ chức hoạt động Thông báo và Điểm hỏi đáp về hàng rào kỹ thuật trong thương mại của thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là TBT-HCM).

Điều 6. Về sở hữu trí tuệ (không bao gồm quyền tác giả về văn học, nghệ thuật)

1. Tổ chức thực hiện các biện pháp phát triển hoạt động sở hữu trí tuệ, thúc đẩy phong trào lao động sáng tạo, phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất.

2. Tổ chức xây dựng hệ thống quản lý sở hữu trí tuệ trên địa bàn thành phố.
3. Hướng dẫn nghiệp vụ đối với các tổ chức, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố thực hiện sáng kiến và sở hữu trí tuệ.
4. Hướng dẫn xác lập quyền sở hữu trí tuệ và giải quyết tranh chấp về sở hữu trí tuệ theo phân cấp và quy định của Nhà nước.
5. Tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Nhà nước, tổ chức, cá nhân trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ trên địa bàn thành phố theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Về an toàn bức xạ và hạt nhân

1. Tổ chức thẩm định an toàn bức xạ và cấp giấy phép sử dụng thiết bị phát tia X dùng trong y tế theo quy định của pháp luật.
2. Chỉ đạo, hỗ trợ và tổ chức khai báo, thống kê định kỳ các nguồn phóng xạ, thiết bị bức xạ, chất thải phóng xạ và các hoạt động bức xạ trên địa bàn thành phố.
3. Xây dựng kế hoạch phòng, chống, khắc phục sự cố bức xạ và hạt nhân trên địa bàn thành phố; hướng dẫn các cơ sở bức xạ và hạt nhân xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng, chống, khắc phục hậu quả sự cố bức xạ và hạt nhân.

Điều 8. Về thông tin - tư liệu khoa học và công nghệ

1. Nghiên cứu nhu cầu thông tin, xây dựng và phát triển hệ thống thông tin, tư liệu thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ để phục vụ công tác quản lý khoa học - công nghệ của thành phố.
2. Tổ chức tuyên truyền, triển lãm, giáo dục phổ biến văn bản pháp quy, kiến thức và các thành tựu về khoa học - công nghệ, biên tập, xuất bản các ấn phẩm thông tin khoa học và công nghệ.
3. Tổ chức huấn luyện về nghiệp vụ, kỹ năng khai thác, sử dụng thông tin, tư liệu khoa học và công nghệ cho các đối tượng.
4. Thực hiện các dịch vụ cung cấp thông tin, tư liệu khoa học và công nghệ dưới nhiều loại hình theo quy định.

Điều 9. Thanh tra, kiểm tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo

1. Theo dõi và kiểm tra việc chấp hành pháp luật, chính sách của Nhà nước về khoa học và công nghệ, tiêu chuẩn đo lường chất lượng, sở hữu trí tuệ, an toàn bức xạ của các cơ quan Nhà nước, tổ chức khoa học và công nghệ, tổ chức kinh tế, văn hóa, xã hội và cá nhân theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức thanh tra, xử lý các vi phạm hành chính và giải quyết các khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực khoa học và công nghệ, tiêu chuẩn đo lường chất lượng, sở hữu trí tuệ, an toàn bức xạ theo đúng quy định của pháp luật.

3. Hướng dẫn, thanh tra và kiểm tra việc chấp hành Bộ Luật Lao động, Luật Khiếu nại, tố cáo, Pháp lệnh Cán bộ, công chức (có sửa đổi) và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan của Ủy ban nhân dân thành phố trong nội bộ Sở.

Điều 10. Giúp Ủy ban nhân dân thành phố quản lý Nhà nước các hoạt động của Hội quần chúng và tổ chức phi Chính phủ trong lĩnh vực quản lý của Sở theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Đối ngoại và liên kết hợp tác

1. Xây dựng kế hoạch hợp tác quốc tế và quản lý thực hiện các chương trình, dự án viện trợ, đầu tư của nước ngoài về khoa học - công nghệ theo quy định của pháp luật và theo phân công của Ủy ban nhân dân thành phố.

2. Quản lý, hỗ trợ, hướng dẫn cho các tổ chức nước ngoài hoạt động trong lĩnh vực khoa học và công nghệ trên địa bàn thành phố.

3. Liên kết hợp tác với các Trường Đại học, Viện nghiên cứu, các địa phương, các đơn vị, các tổ chức trong và ngoài nước để triển khai, phát triển các hoạt động thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ được Ủy ban nhân dân thành phố cho phép.

4. Được tổ chức và tham gia các hội nghị, hội thảo, các khóa huấn luyện quốc tế về các lĩnh vực thuộc ngành do các tổ chức nước ngoài hoặc tổ chức trong nước mời theo đúng quy định của Nhà nước và thành phố.

Điều 12. Công tác tổ chức, xây dựng, báo cáo

1. Quản lý tổ chức bộ máy cán bộ, công chức, viên chức, tài chính, tài sản của Sở; quản lý các đơn vị trực thuộc Sở theo sự phân công, phân cấp của Ủy ban nhân dân thành phố và quy định của Nhà nước.

2. Thực hiện báo cáo thống kê định kỳ tháng, năm và báo cáo đột xuất về tình hình quản lý, hoạt động khoa học công nghệ với Ủy ban nhân dân thành phố và Bộ Khoa học và Công nghệ.

3. Chủ động phân bổ, điều chỉnh chi tiết việc sử dụng ngân sách trong phạm vi quản lý của Sở cho hoạt động khoa học và công nghệ nhằm đảm bảo hiệu quả cao việc sử dụng ngân sách phù hợp với quy định của pháp luật.

4. Thu và sử dụng các khoản lệ phí và tiền xử phạt trong việc thực hiện chức

năng quản lý Nhà nước cho các hoạt động: thanh tra, kiểm định thử nghiệm, tư vấn, phản biện, xét duyệt hồ sơ, cấp phép... theo đúng quy định của pháp luật.

5. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Ủy ban nhân dân thành phố.

Chương III

TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC

Điều 13. Sở Khoa học và Công nghệ có Giám đốc và một số Phó Giám đốc, số lượng Phó Giám đốc do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố bổ nhiệm, miễn nhiệm, các Phó Giám đốc Sở do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Giám đốc Sở. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm về toàn bộ hoạt động của Sở trước Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố.

Các chức danh khác của Sở do Giám đốc Sở bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ, công chức của Ủy ban nhân dân thành phố. Việc bố trí công chức được căn cứ theo chức danh, tiêu chuẩn ngạch công chức của Pháp lệnh Cán bộ, công chức (có sửa đổi) và các quy định khác về quản lý cán bộ, công chức, viên chức của Nhà nước.

Điều 14. Cơ cấu tổ chức bộ máy của Sở Khoa học và Công nghệ bao gồm

1. Các phòng chuyên môn nghiệp vụ

- Văn phòng;
- Phòng Kế hoạch và Tài chính;
- Phòng Quản lý Khoa học;
- Phòng Quản lý Công nghệ;
- Phòng Sở hữu trí tuệ;
- Thanh tra.

2. Các đơn vị sự nghiệp

- Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng;
- Trung tâm Thông tin Khoa học và Công nghệ;
- Trung tâm Dịch vụ Phân tích thí nghiệm;

- Trung tâm Tiết kiệm năng lượng;
- Trung tâm Thiết kế Chế tạo thiết bị mới (Neptech);
- Trung tâm Ứng dụng Hệ thống Thông tin Địa lý (GIS);
- Viện Khoa học và Công nghệ tính toán;
- Tạp chí Thế giới vi tính;
- Tạp chí Khám phá.

3. Các doanh nghiệp Nhà nước

- Trung tâm Nghiên cứu ứng dụng và Dịch vụ Khoa học kỹ thuật.

4. Khi cần thiết theo yêu cầu của công việc, Ủy ban nhân dân thành phố sẽ xem xét việc thành lập mới hoặc sáp nhập, giải thể các đơn vị trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ.

Chương IV CÁC MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 15. Đối với Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố

1. Giám đốc Sở có trách nhiệm báo cáo, trình bày và cung cấp tài liệu cho Hội đồng nhân dân thành phố, trả lời chất vấn hoặc kiến nghị của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố về những vấn đề chuyên môn do Sở phụ trách.

2. Giám đốc Sở báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố tình hình và kết quả tổ chức hoạt động của Sở; dự các cuộc họp do Ủy ban nhân dân thành phố triệu tập; kiểm tra việc thực hiện các quyết định, chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố về các lĩnh vực Sở được phân công phụ trách.

3. Giám đốc Sở báo cáo, xin ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố để giải quyết những vấn đề vượt quá thẩm quyền; không được chuyển các vấn đề thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở lên Ủy ban nhân dân thành phố.

4. Đối với những vấn đề đang bàn giữa Sở với các sở - ngành khác và Ủy ban nhân dân quận - huyện, nhưng chưa có sự nhất trí thì Sở phải báo cáo đầy đủ các ý kiến đóng góp cùng kiến nghị của Sở để Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định.

Điều 16. Đối với Bộ Khoa học và Công nghệ

1. Sở chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ và báo cáo kết quả thực hiện cho Bộ Khoa học và Công nghệ; tham dự đầy đủ các cuộc họp và tập huấn nghiệp vụ do Bộ và các cơ quan thuộc Bộ triệu tập.

2. Khi chỉ đạo hoặc hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Khoa học và Công nghệ chưa thống nhất với chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố, Sở phải kịp thời báo cáo và đề xuất để Ủy ban nhân dân thành phố làm việc với Bộ Khoa học và Công nghệ.

3. Các kiến nghị của Sở với Bộ Khoa học và Công nghệ có liên quan đến chủ trương, chính sách lớn của thành phố, Giám đốc Sở phải xin ý kiến Ủy ban nhân dân thành phố trước khi báo cáo Bộ.

Điều 17. Đối với các sở - ngành thuộc thành phố

1. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm phối hợp với các sở - ngành, các tổ chức chính trị, xã hội của thành phố để thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý Nhà nước được phân công và phân cấp.

2. Phối hợp với các sở - ngành liên quan xây dựng và trình Ủy ban nhân dân thành phố dự toán ngân sách hàng năm cho lĩnh vực khoa học và công nghệ của thành phố; xây dựng và trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt chương trình, kế hoạch phát triển, chính sách, cơ chế quản lý và sử dụng hiệu quả tiềm lực khoa học và công nghệ của thành phố, bao gồm: khuyến khích, thu hút nhân lực khoa học và công nghệ, đào tạo bồi dưỡng hàng năm cho cán bộ khoa học và công nghệ, xây dựng, tổ chức hoạt động của các phòng thí nghiệm theo chức năng của Sở, đầu tư cơ sở vật chất và trang thiết bị cho hoạt động khoa học và công nghệ, thông tin tư liệu khoa học và công nghệ.

3. Phối hợp với các sở - ngành có liên quan trình Ủy ban nhân dân thành phố ban hành các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến chủ trương, chính sách về khoa học và công nghệ.

Điều 18. Đối với Ủy ban nhân dân quận - huyện

1. Phối hợp, đôn đốc Ủy ban nhân dân các quận - huyện trong việc thực hiện các nội dung quản lý Nhà nước do Sở phụ trách nhằm giúp Ủy ban nhân dân quận - huyện thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình trong việc quản lý ngành.

2. Giúp Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo và hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ cho các phòng, ban, tổ chức quản lý về khoa học - công nghệ, tiêu chuẩn đo lường

chất lượng sản phẩm, sở hữu trí tuệ, an toàn bức xạ hạt nhân (nếu có) của quận - huyện. Giúp Ủy ban nhân dân quận - huyện tăng cường củng cố bộ máy quản lý khoa học và công nghệ địa phương.

3. Phối hợp, đánh giá, xét duyệt và khen thưởng đối với tập thể, cá nhân trong hoạt động khoa học và công nghệ theo phân cấp quản lý và quy chế thi đua khen thưởng.

Điều 19. Đối với tổ chức Đảng và các đoàn thể thành phố

1. Đối với các Ban của Thành ủy và Đảng ủy khối Dân Chính Đảng thành phố, Sở có mối quan hệ trực tiếp để tiếp nhận những định hướng lãnh đạo, chỉ đạo của Thành ủy và của Đảng ủy khối Dân Chính Đảng thành phố.

2. Phối hợp với các đoàn thể thành phố trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của Sở nhằm tạo điều kiện để các đoàn thể tham gia ý kiến với Sở trong việc tổ chức thực hiện chế độ chính sách có liên quan đến ngành.

Điều 20. Đối với Liên hiệp các Hiệp hội Khoa học và Kỹ thuật thành phố

1. Phối hợp và tạo điều kiện thuận lợi để cho các nhà khoa học phát huy tiềm năng trí tuệ của mình để phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

2. Phối hợp tham gia nghiên cứu khoa học, triển khai công nghệ và an toàn bức xạ và hạt nhân phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của thành phố.

3. Phối hợp phổ biến kiến thức khoa học và công nghệ, phát triển nguồn nhân lực và bồi dưỡng chuyên gia trong lĩnh vực khoa học và công nghệ cho thành phố.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 21. Căn cứ Quy chế này, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ thành phố có trách nhiệm cụ thể hóa thành chương trình công tác cho các mặt hoạt động, phối hợp công tác thuộc phạm vi, thẩm quyền của Sở, phù hợp với các quy định của pháp luật.

Giám đốc Sở chịu trách nhiệm ban hành quy định làm việc của Sở, tổ chức sắp xếp các phòng, ban theo hướng tinh gọn, hiệu quả, bố trí cán bộ, công chức phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ chuyên môn, bảo đảm phát huy tốt hiệu lực và hiệu quả quản lý Nhà nước mà Sở đã được phân công, phân cấp trên địa bàn thành phố.

Điều 22. Trong quá trình thực hiện Quy chế này, nếu xét thấy cần thiết, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ và Giám đốc Sở Nội vụ kiến nghị Ủy ban nhân dân thành phố điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định của pháp luật và yêu cầu thực hiện nhiệm vụ được giao./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**

Nguyễn Thành Tài

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 5045/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 11 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH

Về phê duyệt điều chỉnh cơ cấu phát hành trái phiếu đô thị thành phố Hồ Chí Minh năm 2007

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 124/2004/NĐ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2004 của Chính phủ quy định một số cơ chế tài chính ngân sách đặc thù đối với thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị định số 141/2003/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2003 về phát hành trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu Chính quyền địa phương;

Căn cứ Thông tư số 21/2004/TT-BTC ngày 24 tháng 3 năm 2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc đấu thầu trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu Chính quyền địa phương qua thị trường giao dịch chứng khoán tập trung;

Căn cứ Thông tư số 29/2004/TT-BTC ngày 06 tháng 4 năm 2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc bảo lãnh phát hành và đại lý phát hành trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu Chính quyền địa phương;

Căn cứ Nghị quyết số 72/2006/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2006 của Hội đồng nhân dân thành phố khóa VII thông qua tại kỳ họp lần thứ 9 về đầu tư xây dựng cơ bản nguồn vốn ngân sách thành phố năm 2007;

Căn cứ Nghị quyết số 75/2006/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2006 của Hội đồng nhân dân thành phố khóa VII thông qua tại kỳ họp lần thứ 9 về nhiệm vụ kinh tế xã hội năm 2007;

Căn cứ Công văn số 3614/BTC/TCNH ngày 15 tháng 3 năm 2007 của Bộ Tài chính về phát hành trái phiếu đô thị thành phố Hồ Chí Minh năm 2007;

Căn cứ Công văn số 171/HĐND-VP ngày 14 tháng 5 năm 2007 của Hội đồng nhân dân thành phố về đồng ý phát hành trái phiếu đô thị thành phố năm 2007;

Căn cứ Công văn số 14621/BTC-TCNH ngày 30 tháng 10 năm 2007 của Bộ Tài chính về lãi suất phát hành trái phiếu đô thị thành phố Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Công văn số 11200/STC-NS ngày 01 tháng 11 năm 2007 về điều chỉnh cơ cấu phát hành trái phiếu đô thị thành phố Hồ Chí Minh và kế hoạch phát hành tháng 11/2007,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay phê duyệt điều chỉnh cơ cấu phát hành trái phiếu đô thị thành phố Hồ Chí Minh năm 2007 như sau:

Tổng khối lượng phát hành: 2.000 (hai ngàn) tỷ đồng với các loại trái phiếu kỳ hạn 05 năm, 10 năm và 15 năm điều chỉnh linh hoạt theo tình hình thị trường.

Điều 2. Các nội dung khác giữ nguyên theo phương án đã được phê duyệt tại Quyết định số 2191/QĐ-UBND ngày 16 tháng 5 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố về phê duyệt phương án phát hành trái phiếu đô thị năm 2007.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Kho bạc Nhà nước thành phố, Tổng Giám đốc Quỹ Đầu tư Phát triển đô thị, Tổng Giám đốc Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh, Thủ trưởng các sở - ngành thành phố, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thị Hồng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 5067/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 11 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH

**Về duyệt nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết
xây dựng khu Công viên phần mềm Quang Trung,
phường Tân Chánh Hiệp, quận 12, diện tích 43,45397ha**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng;

Xét đề nghị của Sở Quy hoạch - Kiến trúc tại Tờ trình số 3564/TTr-SQHKT ngày 07 tháng 9 năm 2007 về việc phê duyệt nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu Công viên phần mềm Quang Trung, phường Tân Chánh Hiệp, quận 12 (kèm hồ sơ nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu Công viên phần mềm Quang Trung, phường Tân Chánh Hiệp, quận 12 do Viện Quy hoạch xây dựng thành phố lập),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

Duyệt nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng (tỷ lệ 1/500) khu Công viên phần mềm Quang Trung, phường Tân Chánh Hiệp, quận 12 với các nội dung chính như sau: (đính kèm hồ sơ nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500).

1. Vị trí, giới hạn phạm vi nghiên cứu và lý do điều chỉnh:

1.1. Vị trí:

- Ranh giới:

- + Phía Đông: giáp trục đường liên phường lộ giới 20m và khu dân cư hiện hữu.
- + Phía Tây: giáp đường Tô Ký có lộ giới 40m và khu dân cư hiện hữu.
- + Phía Nam: giáp trục Quốc lộ 1A (xa lộ Xuyên Á) lộ giới 120m.
- + Phía Bắc: giáp trục đường lộ giới 25m (đường Cầu Suối) và khu dân cư hiện hữu quận 12.

1.2. Quy mô: quy mô đất nghiên cứu điều chỉnh quy hoạch: 43,45397ha.

2. Tính chất - chức năng:

Là khu trung tâm dịch vụ đa năng phát triển về lĩnh vực công nghệ thông tin cấp thành phố.

3. Các chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc và cơ cấu sử dụng đất:

- Đất văn phòng, sản xuất phần mềm tin học và đào tạo: 193.502m², chiếm 44,53%.

+ Đất sản xuất phần mềm : 186.010m²

+ Đất đào tạo công nghệ thông tin : 7.492m²

- Đất ở dành cho chuyên gia tin học và nhà sinh hoạt cộng đồng: 34.362m², chiếm 7,91%.

- Đất thương mại, triển lãm sản phẩm tin học, (không có chức năng tổ chức hội chợ, hội nghị) và giải trí thể dục thể thao: 39.949m², chiếm 9,19%.

- Đất trung tâm quản lý khu vực : 8.071m², chiếm 1,86%.

+ Đất trung tâm quản lý : 4.331m²

+ Đất trạm y tế : 4.370m²

- Đất trạm viễn thông : 5.635m², chiếm 1,30%

- Đất công trình kỹ thuật hạ tầng : 10.448m², chiếm 2,40%

+ Khu xử lý nước thải : 9.248m²

+ Khu xử lý nước thô : 1.200m²

- Bãi đậu xe (kể cả trạm tiếp nhiên liệu) : 18.216m², chiếm 4,19%

- Đất công viên cây xanh tập trung (bao gồm cả phần mương thoát nước hiện hữu): 49.297m², chiếm 11,34%.

- Đất giao thông đối nội : 75.059,7m², chiếm 17,28%.

4. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

Tính toán cụ thể các nhu cầu, chỉ tiêu quy hoạch kỹ thuật hạ tầng phù hợp với các nội dung cần thiết đã điều chỉnh trên.

Điều 2.

Trên cơ sở nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 được duyệt, Công ty Phát triển Công viên phần mềm Quang Trung có trách nhiệm phối hợp đơn vị tư vấn là Viện Quy hoạch xây dựng thành phố hoàn chỉnh đồ án quy hoạch chi tiết và tổ chức trình thẩm định, phê duyệt chính thức theo quy định hiện hành.

Về quy định kiến trúc công trình cần tuân thủ theo hướng dẫn về quy định kiến trúc công trình theo đề xuất của Sở Quy hoạch - Kiến trúc tại Tờ trình số 3564/TTr-SQHKT ngày 07 tháng 9 năm 2007.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Bưu chính, Viễn thông, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 12, Giám đốc Công ty Phát triển Công viên phần mềm Quang Trung cùng các sở - ngành liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**

Nguyễn Thành Tài

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 26/2007/CT-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 11 năm 2007

CHỈ THỊ

Về việc tập trung chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ cấp bách phòng, chống dịch tiêu chảy cấp trên địa bàn thành phố

Thời gian gần đây, bệnh tiêu chảy cấp nguy hiểm xuất hiện và lan rộng ở một số tỉnh phía Bắc, trong đó đã phát hiện một số trường hợp dương tính với phẩy khuẩn tả. Đây là loại bệnh nguy hiểm dễ lây lan thành dịch, ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe, tính mạng của nhân dân và sự phát triển kinh tế - xã hội của cả nước cũng như thành phố.

Trước tình hình bệnh diễn biến phức tạp và có khả năng lây lan vào thành phố Hồ Chí Minh, để chủ động phòng, chống dịch bệnh tiêu chảy cấp kịp thời và hiệu quả theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công điện số 1638/CD-TTg ngày 02 tháng 11 năm 2007; Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo Thủ trưởng các Sở, ban, ngành và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện tập trung thực hiện một số nhiệm vụ cấp bách như sau:

1. Quan điểm chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố là phòng, chống dịch bệnh tiêu chảy cấp giai đoạn hiện nay trên địa bàn thành phố là luôn đề cao cảnh giác, tích cực và chủ động phòng ngừa, ngăn chặn có hiệu quả bệnh lây lan vào thành phố bằng nhiều cách khác nhau, sẵn sàng lực lượng, cơ sở vật chất, chuyên môn để điều trị bệnh nếu có xảy ra trên địa bàn thành phố. Tuy nhiên, tránh gây hoang mang, lo lắng không cần thiết trong nhân dân và làm ảnh hưởng các hoạt động kinh tế - xã hội bình thường của thành phố mà phải bình tĩnh, chủ động có kế hoạch chu đáo, cụ thể để phòng ngừa bệnh thật hiệu quả.

2. Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các sở - ngành liên quan: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Thương mại, Sở Du lịch, Sở Công nghiệp, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Giáo dục và Đào tạo, Công an thành phố, Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp, Chi cục Quản lý thị trường thành phố và Ủy ban nhân dân các quận - huyện:

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện các biện pháp bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm, vệ sinh môi trường thật chặt chẽ.

- Kiểm tra và giám sát chặt chẽ việc sản xuất mua bán, tiêu thụ, sử dụng các loại mắm trên địa bàn thành phố. Trước mắt dừng ngay việc mua bán, sử dụng mắm tôm có nguồn lây truyền bệnh. Thực hiện tiêu hủy ngay mắm tôm không rõ nguồn gốc, nhãn mác và không đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm tại các nhà hàng, khách sạn, bếp ăn tập thể, khu chế xuất, khu công nghiệp, các trường học, bệnh viện, doanh nghiệp, các khu du lịch giải trí đông người, các đơn vị cung cấp bữa ăn công nghiệp... nhằm phát hiện kịp thời những vi phạm về vệ sinh an toàn thực phẩm, xử lý nghiêm để tránh xảy ra dịch bệnh trong cộng đồng. Người đứng đầu các đơn vị phải tự kiểm tra trong đơn vị mình và phối hợp với đoàn kiểm tra của Thành phố khi có yêu cầu.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện trực tiếp chỉ đạo triển khai công tác phòng, chống dịch tiêu chảy cấp trên địa bàn; tăng cường công tác kiểm tra, tổ chức giám sát, phát hiện sớm khoanh vùng các ổ dịch tiêu chảy cấp (nếu có), tập trung lực lượng xử lý triệt để ngay từ đầu, tuyệt đối không để dịch bệnh lây lan, các nơi sản xuất, mua bán, tiêu thụ, sử dụng các loại mắm trên địa bàn quận - huyện mình quản lý.

- Chỉ đạo và giám sát Ủy ban nhân dân các phường - xã, thị trấn triển khai các biện pháp phòng, chống dịch tiêu chảy cấp.

- Tăng cường thanh tra, kiểm tra việc đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm tại các chợ, quán ăn, bếp ăn tập thể trên địa bàn quận - huyện; xử lý nghiêm khắc các cá nhân, tập thể vi phạm về vệ sinh thực phẩm và vệ sinh môi trường.

- Chỉ đạo ngành y tế quận - huyện (Phòng Y tế, Trung tâm Y tế Dự phòng, Trung tâm Y tế, Bệnh viện của quận - huyện) tổ chức giám sát các trường hợp mắc bệnh, báo cáo tình hình diễn biến dịch bệnh hàng ngày về Sở Y tế và Ủy ban nhân dân quận - huyện theo đúng quy định; đối với các Trạm Y tế xã, phường, thị trấn phải báo cáo hàng ngày số liệu giám sát các trường hợp tiêu chảy ở địa bàn; đặc biệt Phòng Y tế quận - huyện quản lý và yêu cầu các đơn vị y tế tư nhân đóng trên địa bàn báo cáo khẩn các trường hợp bệnh hoặc nghi ngờ mắc bệnh tiêu chảy cấp nguy hiểm.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện, phường - xã, thị trấn chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân thành phố nếu để xảy ra dịch bệnh lan rộng trên địa bàn phụ trách.

4. Sở Y tế chỉ đạo các bệnh viện, cơ sở điều trị chuẩn bị đủ thuốc, dịch truyền, hóa chất, các loại vật tư, thiết bị cần thiết, đảm bảo công tác điều trị tích cực, hiệu quả ngay tại chỗ và ngay từ đầu khi phát hiện trường hợp mắc bệnh; thực hiện nghiêm túc việc phòng lây nhiễm trong bệnh viện, hạn chế chuyển tuyến điều trị.

5. Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tăng cường thực hiện các biện pháp đảm bảo nguồn cung cấp nước sinh hoạt cho nhân dân an toàn, đảm bảo độ Clo dư, đặc biệt chú trọng trong vấn đề khử khuẩn, khử trùng. Sở Y tế đảm bảo việc cung ứng đủ lượng Cloramine B cho người dân ở khu vực có nguy cơ dịch bệnh để xử lý nguồn nước sinh hoạt an toàn.

6. Sở Văn hóa và Thông tin, Đài Tiếng nói nhân dân thành phố, Đài Truyền hình thành phố, Sở Giáo dục và Đào tạo, Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp thành phố, Ủy ban nhân dân các quận - huyện và các phương tiện thông tin đại chúng, hệ thống thông tin tuyên truyền ở cơ sở thuộc ngành văn hóa thông tin phối hợp với Sở Y tế làm tốt công tác thông tin, tuyên truyền sâu rộng, cung cấp đầy đủ mọi thông tin liên quan và các biện pháp phòng chống dịch bệnh tiêu chảy cấp cho từng người dân, học sinh trên toàn thành phố.

7. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp với Sở Y tế và các cơ quan có liên quan tiến hành tiêu hủy mầm tôm và các loại mầm bị tịch thu, bảo đảm vệ sinh môi trường theo chỉ đạo của Bộ Y tế và Bộ Tài nguyên và Môi trường.

8. Sở Tài chính đảm bảo cấp đủ kinh phí để phục vụ cho các hoạt động phòng, chống bệnh tiêu chảy cấp của thành phố.

9. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố và các đoàn thể chính trị - xã hội chủ động phối hợp với Chính quyền các cấp và tích cực tham gia công tác vận động, tuyên truyền phòng, chống bệnh tiêu chảy cấp, vận động nhân dân chủ động, tự giác thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch bệnh tiêu chảy cấp, trước hết là giữ gìn vệ sinh ăn uống, sinh hoạt; nên ăn thức ăn chín, uống nước đun sôi, rửa tay trước khi ăn và sau khi vệ sinh, đặc biệt là không ăn các loại mắm sống, thực phẩm sống.

Sở Y tế thường xuyên tổng hợp và báo cáo tình hình dịch bệnh tiêu chảy cấp trên địa bàn thành phố cho Bộ Y tế, Thường trực Thành ủy và Thường trực Ủy ban nhân dân thành phố để kịp thời chỉ đạo.

Chỉ thị này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Thu Hà

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 5084/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 11 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH

**Về ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng đấu thầu
lựa chọn nhà đầu tư các dự án có sử dụng đất trên địa bàn thành phố**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 4143/QĐ-UBND ngày 13 tháng 9 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố về thành lập Hội đồng đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư các dự án có sử dụng đất trên địa bàn thành phố;

Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng tại Tờ trình số 004/TTr-HĐĐTLCNĐT ngày 11 tháng 10 năm 2007,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế hoạt động của Hội đồng đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư các dự án có sử dụng đất trên địa bàn thành phố.

Điều 2. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Giao thông - Công chính, Sở Tư pháp, Thủ trưởng các sở - ngành có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện, Chủ tịch Hội đồng và các thành viên có tên trong Quyết định số 4143/QĐ-UBND ngày 13 tháng 9 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**

Nguyễn Thành Tài

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

**Hoạt động của Hội đồng đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư
các dự án có sử dụng đất trên địa bàn thành phố**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 5084/QĐ-UBND
ngày 12 tháng 11 năm 2007 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Quy chế này được áp dụng để tổ chức thực hiện việc đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện các dự án có sử dụng đất trên địa bàn thành phố, do Hội đồng đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư (sau đây gọi tắt là Hội đồng) làm bên mời thầu.

Điều 2. Các thành viên thuộc cơ quan, đơn vị được cử vào Hội đồng là người có thẩm quyền và trực tiếp có ý kiến giải quyết về những vấn đề liên quan đến chức năng nhiệm vụ của cơ quan mình.

Chương II

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 3. Nguyên tắc làm việc

Hội đồng làm việc theo nguyên tắc tập thể, quyết định các vấn đề bằng cách biểu quyết lấy ý kiến đa số (bỏ phiếu kín hoặc giơ tay biểu quyết). Khi biểu quyết phải có từ sáu (06) thành viên Hội đồng trở lên. Trường hợp ý kiến nhất trí và không nhất trí bằng nhau thì Chủ tịch Hội đồng sẽ có ý kiến quyết định. Các ý kiến khác của các thành viên Hội đồng đều được tôn trọng và được ghi nhận vào biên bản để trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định.

Tổ chuyên viên của Hội đồng có trách nhiệm chuẩn bị nội dung hồ sơ có liên quan để Hội đồng xem xét, thông qua.

Điều 4. Chế độ làm việc

1. Hội đồng họp để giải quyết các vấn đề liên quan đến việc tổ chức đấu thầu lựa

chọn nhà đầu tư thực hiện các dự án có sử dụng đất trên địa bàn thành phố do Ủy ban nhân dân thành phố quyết định.

2. Trường hợp thành viên của cơ quan được cử tham gia vào Hội đồng vắng mặt, phải có ý kiến bằng văn bản về các nội dung liên quan gửi Hội đồng.

3. Đối với thành viên Tổ chuyên viên không thể dự họp hoặc không thể tham gia giải quyết hồ sơ được thì Thủ trưởng cơ quan đó phải có văn bản cử người khác thay thế để không làm chậm tiến độ triển khai thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư.

Điều 5. Chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng

- Tổ chức công bố dự án đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang Web của thành phố và trang Web của Sở Kế hoạch và Đầu tư;

- Tổ chức lập kế hoạch đấu thầu, hồ sơ mời thầu của từng dự án cụ thể do Hội đồng làm bên mời thầu (trên cơ sở các quy định chung và các tiêu chí cụ thể của từng dự án đã được Ủy ban nhân dân thành phố thông qua), gửi cơ quan thẩm định để trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt;

- Tổ chức phát hành hồ sơ mời thầu, nhận hồ sơ dự thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu, gửi cơ quan thẩm định để trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt;

- Tiếp nhận, giải quyết các khiếu nại, kiến nghị của nhà đầu tư theo quy định;

- Lựa chọn đơn vị tư vấn có kinh nghiệm để hỗ trợ Hội đồng trong trường hợp cần thiết;

- Lập, duyệt dự toán chi phí tổ chức lựa chọn nhà đầu tư cho từng dự án cụ thể mà Hội đồng làm bên mời thầu;

- Các thành viên của Hội đồng theo chức năng nhiệm vụ của cơ quan được giao có trách nhiệm theo dõi quá trình triển khai thực hiện đầu tư dự án;

- Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu gặp khó khăn, vướng mắc ngoài thẩm quyền, Hội đồng có trách nhiệm báo cáo ngay Ủy ban nhân dân thành phố để được xem xét, giải quyết;

- Chức năng, nhiệm vụ của Tổ chuyên viên do Hội đồng quyết định.

Điều 6. Nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng

Chịu trách nhiệm điều hành hoạt động của Hội đồng; chủ trì các phiên họp Hội đồng; ký Tờ trình gửi cơ quan thẩm định; ký Tờ trình gửi Ủy ban nhân dân thành

phổ; thay mặt Hội đồng ký các văn bản khác có liên quan đến quá trình đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư trên cơ sở nhiệm vụ của Hội đồng được quy định tại Điều 5 của Quy chế này.

Điều 7. Các thành viên của Hội đồng

a) Thành viên thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư:

- Đầu mối tổ chức quá trình đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư đối với các dự án do Hội đồng làm bên mời thầu;
- Bố trí thời gian họp của Hội đồng;
- Gửi hồ sơ, tài liệu có liên quan cho các thành viên trong Hội đồng;
- Tham gia lập kế hoạch đấu thầu, hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu theo quy định;
- Phát hành hồ sơ mời thầu và nhận hồ sơ dự thầu của các nhà đầu tư;
- Làm biên bản cuộc họp; lập các báo cáo và tờ trình có liên quan gửi cơ quan có thẩm quyền.

b) Thành viên thuộc Sở Quy hoạch - Kiến trúc:

Tham gia lập kế hoạch đấu thầu, hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu, trong đó chịu trách nhiệm trong việc đánh giá các tiêu chí về quy hoạch, kiến trúc công trình phù hợp tiêu chuẩn quy phạm và các tiêu chí đã được Ủy ban nhân dân thành phố thông qua.

c) Thành viên thuộc Sở Tài chính:

- Thẩm định giá sàn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất của các khu đất thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư nhằm cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư;
- Phối hợp với Ủy ban nhân dân quận - huyện xây dựng phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư, tạm cư; xác định tổng kinh phí công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng của các khu đất thực hiện đấu thầu;
- Tham gia lập kế hoạch đấu thầu, hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu, trong đó chịu trách nhiệm trong việc đánh giá các tiêu chuẩn đáp ứng về mặt tài chính của các nhà đầu tư.

d) Thành viên thuộc Sở Giao thông - Công chính:

Tham gia lập kế hoạch đấu thầu, hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu, là đầu mối xác định các tiêu chuẩn về phương án tổ chức giao thông, phương án kết nối

hạ tầng kỹ thuật của dự án với các công trình hạ tầng của ngành giao thông công chính, các ảnh hưởng của dự án đến các công trình ngầm của thành phố đi ngang khu đất (nếu có).

đ) Thành viên thuộc Sở Xây dựng:

- Tham gia lập kế hoạch đấu thầu, hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu, trong đó chịu trách nhiệm trong việc đánh giá các tiêu chuẩn đáp ứng về phương án thiết kế xây dựng công trình; xác định giá sàn dự kiến tổng vốn đầu tư xây dựng công trình.

- Phối hợp với Ủy ban nhân dân quận, huyện xây dựng phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư, tạm cư;

e) Thành viên thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Xác định diện tích khu đất, ranh đất; cung cấp bản đồ hiện trạng vị trí khu đất để công bố cho các nhà đầu tư;

- Tham gia lập kế hoạch đấu thầu, hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu;

- Hỗ trợ nhà đầu tư trúng thầu thực hiện các thủ tục giao thuê đất cho dự án theo quy định hiện hành.

g) Thành viên thuộc Sở Tư pháp:

- Tham gia xem xét các vấn đề pháp lý liên quan đến việc tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư và giải quyết các kiến nghị, khiếu nại của nhà đầu tư;

- Tham gia lập kế hoạch đấu thầu, hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu.

h) Các thành viên thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện:

- Chủ trì xây dựng phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng, phương án tái định cư, tạm cư (nếu có), xác định tổng kinh phí, công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng của các khu đất thực hiện đấu thầu; thuê tư vấn thẩm định giá bồi thường, giải phóng mặt bằng khu đất thực hiện đấu thầu (nếu cần).

- Hỗ trợ nhà đầu tư trong việc cung cấp các thông tin liên quan đến khu đất;

- Tổ chức thực hiện việc bồi thường, giải phóng mặt bằng khu đất theo đúng tiến độ đã đề ra;

- Tham gia lập kế hoạch đấu thầu, hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu.

Điều 8. Chi phí hoạt động

Chi phí cho công tác đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư bao gồm: chi phí lập hồ sơ

mời thầu, chi phí công bố và phát hành hồ sơ mời thầu trên các phương tiện thông tin đại chúng; chi phí bồi dưỡng cho Hội đồng và các thành viên Tổ chuyên viên; chi phí đánh giá hồ sơ dự thầu, chi phí thuê tư vấn (nếu có)... Các chi phí này do ngân sách thành phố cấp trên cơ sở dự toán được Chủ tịch Hội đồng phê duyệt.

Chương III

QUY TRÌNH PHỐI HỢP GIẢI QUYẾT HỒ SƠ

Điều 9. Quy định về thời gian giải quyết hồ sơ

Thời gian xem xét, trình duyệt hồ sơ mời thầu không quá 20 (hai mươi) ngày.

Thời gian đánh giá hồ sơ dự thầu tối đa là 45 (bốn mươi lăm) ngày. Tổ chuyên viên tổ chức họp, thống nhất ý kiến và lập báo cáo đánh giá hồ sơ dự thầu của nhà đầu tư gửi Hội đồng. Các thành viên Hội đồng tham dự họp phải chuẩn bị sẵn bản báo cáo đánh giá hồ sơ dự thầu.

Thời gian xem xét, trình duyệt kết quả đấu thầu không quá 15 (mười lăm) ngày.

Điều 10. Theo dõi, kiểm tra tình hình triển khai dự án

Sau khi công bố nhà đầu tư trúng thầu, Hội đồng chịu trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân quận - huyện nơi có địa điểm khu đất kiểm tra, theo dõi tiến độ triển khai thực hiện dự án của nhà đầu tư và báo cáo định kỳ hàng quý cho Ủy ban nhân dân thành phố. Trường hợp nhận thấy nhà đầu tư triển khai chậm hơn tiến độ đã quy định phải báo cáo ngay cho Ủy ban nhân dân thành phố để kịp thời xử lý.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 11. Thủ trưởng các sở - ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện có liên quan, các thành viên Hội đồng và Tổ chuyên viên có trách nhiệm thi hành Quy chế này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có những phát sinh cần sửa đổi, bổ sung vào Quy chế, giao Chủ tịch Hội đồng tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố./.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC

Nguyễn Thành Tài

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 131/2007/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 11 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH

**Về ban hành Quy chế phối hợp quản lý, bảo trì, khai thác,
nâng cấp và phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông công chính
giữa Sở Giao thông - Công chính và Ủy ban nhân dân các quận - huyện**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 29 tháng 6 năm 2001;

Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004;

Căn cứ Pháp lệnh Bảo vệ công trình giao thông ngày 02 tháng 12 năm 1994;

Căn cứ Nghị định số 171/1999/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 1999 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Bảo vệ công trình giao thông đối với công trình giao thông đường sông;

Căn cứ Nghị định số 186/2004/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2004 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 16/2005/NĐ-CP ngày 07 tháng 02 năm 2005 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 112/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 16/2005/NĐ-CP về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 144/2005/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2005 của Chính phủ về công tác phối hợp giữa các cơ quan hành chính nhà nước trong xây dựng và kiểm tra việc thực hiện chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch;

Căn cứ Nghị định số 99/2006/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về công tác kiểm tra việc thực hiện chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông - Công chính tại Tờ trình số 468/SGTCC-KH ngày 12 tháng 10 năm 2007,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp quản lý, bảo trì, khai thác, nâng cấp và phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông công chính giữa Sở Giao thông - Công chính và Ủy ban nhân dân các quận - huyện.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 (mười) ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Thủ trưởng các Sở - ban - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hữu Tín

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

**Phối hợp quản lý, bảo trì, khai thác, nâng cấp và phát triển
hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông công chính giữa Sở Giao thông - Công chính
và Ủy ban nhân dân các quận - huyện**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 131/2007/QĐ-UBND
ngày 13 tháng 11 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng và phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định nguyên tắc, phương thức và trách nhiệm phối hợp giữa Sở Giao thông - Công chính và Ủy ban nhân dân các quận - huyện quản lý, bảo trì, khai thác, nâng cấp và phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông công chính để hệ thống được gắn kết liên hoàn, khai thác có hiệu quả.

Điều 2. Mục đích, yêu cầu

Tăng cường trách nhiệm, năng lực tổ chức thực hiện và sự phối hợp của cơ quan có liên quan đối với công tác quản lý, bảo trì, khai thác, nâng cấp và phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông công chính nhằm đảm bảo hệ thống được gắn kết liên hoàn và khai thác có hiệu quả.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông công chính bao gồm các công trình: giao thông đường bộ (cầu, hầm, đường), đường thủy nội địa, bến bãi vận tải, cấp nước, thoát nước đô thị, chiếu sáng công cộng, đường sắt (ngầm, trên mặt đất, trên cao) và công viên - cây xanh đô thị.

2. Cơ quan chủ trì phối hợp là cơ quan đang trực tiếp thực hiện việc quản lý, bảo trì, khai thác, nâng cấp và phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông công chính theo phân cấp.

3. Cơ quan phối hợp là cơ quan có trách nhiệm liên quan trong quá trình quản lý, bảo trì, khai thác, nâng cấp và phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông công chính.

Điều 4. Nguyên tắc phối hợp

Công tác phối hợp giữa cơ quan chủ trì phối hợp và cơ quan phối hợp được tiến hành theo các nguyên tắc sau đây:

1. Trường hợp Sở Giao thông - Công chính là cơ quan chủ trì phối hợp thì Ủy ban nhân dân các quận - huyện là cơ quan phối hợp và ngược lại.

2. Nội dung công việc phải liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mỗi cơ quan phối hợp và tuân thủ quy định của pháp luật trong công tác quản lý, bảo trì, khai thác, nâng cấp hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông công chính và theo các quy định pháp luật có liên quan.

3. Cơ quan được giao nhiệm vụ hoặc cơ quan được phân cấp quản lý hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông công chính phải chịu toàn bộ trách nhiệm về việc quản lý, bảo trì, khai thác, nâng cấp hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông công chính và chịu trách nhiệm vật chất có liên quan trong phạm vi nhiệm vụ quản lý của mình.

4. Tôn trọng và tiếp thu ý kiến của các bên liên quan.

5. Đảm bảo tính khách quan trong quá trình phối hợp; cùng phát hiện điểm bất hợp lý, chưa phù hợp trong việc tổ chức thực hiện để kịp thời điều chỉnh hoặc kiến nghị việc điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch theo phân cấp của Thành phố.

6. Bảo đảm yêu cầu chuyên môn, chất lượng và thời gian phối hợp.

7. Bảo đảm kỷ luật, kỷ cương trong hoạt động phối hợp; đề cao trách nhiệm của Thủ trưởng cơ quan phối hợp và cán bộ, công chức tham gia phối hợp.

Điều 5. Phương thức phối hợp trong công tác quản lý, bảo trì, khai thác, nâng cấp và phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông công chính

1. Trao đổi ý kiến bằng văn bản, Fax, Email hoặc qua bưu điện và cung cấp thông tin có liên quan.

2. Tổ chức họp.

3. Khảo sát, điều tra.

4. Lập Tổ công tác.

Chương II
CÁC CÔNG VIỆC PHẢI THỰC HIỆN TRONG CÔNG TÁC
QUẢN LÝ, BẢO TRÌ, KHAI THÁC, NÂNG CẤP VÀ PHÁT TRIỂN
HỆ THỐNG KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG CÔNG CHÍNH

Điều 6. Phối hợp trong công tác quản lý hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông công chính

1. Xây dựng cơ sở dữ liệu cho hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông công chính của Thành phố.

2. Cung cấp thông tin, nội dung: quy hoạch chung, quy hoạch chi tiết; kế hoạch 5 năm, kế hoạch hàng năm; các dự án đang và sẽ triển khai đầu tư; các cơ sở dữ liệu kinh tế xã hội, hiện trạng các công trình hạ tầng đang quản lý nhằm xác định quy mô nâng cấp hệ thống hạ tầng giao thông công chính phù hợp và hiệu quả...

3. Tổ chức khảo sát, theo dõi và đánh giá tình trạng kỹ thuật của hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông công chính và cập nhật thông tin vào cơ sở dữ liệu của đơn vị.

4. Tổ chức kiểm tra giấy phép của các tổ chức, cá nhân có liên quan (bao gồm các loại giấy phép: xây dựng đào đường và tái lập mặt đường, đấu nối cống thoát, đốn hạ, di dời cây xanh...), thanh tra việc bảo vệ hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông công chính, chống xâm hại, đấu nối bất hợp pháp.

5. Tổ chức kiểm tra chất lượng các công trình hạ tầng giao thông công chính đã hoàn thành, đang hoàn thiện chuẩn bị đưa vào khai thác sử dụng. Đồng thời, tiến hành các thủ tục bàn giao, tiếp nhận cho đơn vị quản lý, sử dụng công trình (nếu đơn vị chủ đầu tư không là đơn vị quản lý công trình) tuân thủ theo các quy định, quy trình hiện hành.

6. Phân cấp quản lý hạ tầng giao thông công chính.

7. Tiếp nhận, cập nhật, lưu trữ và tổ chức quản lý hồ sơ của hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông công chính theo phân cấp.

8. Ban hành quyết định danh mục các công trình hạ tầng giao thông công chính cho các đơn vị quản lý theo phân cấp.

9. Xây dựng và ban hành thiết kế mẫu các cấu kiện, hạng mục chuyên ngành giao thông công chính của thành phố để thống nhất áp dụng chung trên địa bàn thành phố.

10. Tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ về quy chuẩn, quy trình, định ngạch, định mức, đơn giá chuyên ngành giao thông công chính và phổ biến kịp thời các quy định mới cho cán bộ làm công tác quản lý.

Điều 7. Phối hợp trong công tác bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông công chính

1. Lập kế hoạch và triển khai thực hiện công tác bảo trì thường xuyên, kịp thời nhằm đảm bảo hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông công chính được khai thác đồng bộ và hiệu quả.

2. Tổ chức thực hiện công tác bảo trì công trình hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông công chính theo quy định hiện hành.

3. Nghiên cứu và trình Ủy ban nhân dân thành phố ban hành các quy định cụ thể về công tác nghiệm thu và tiếp nhận quản lý đối với các công trình hạ tầng giao thông công chính thuộc các dự án khu dân cư.

4. Phổ biến ứng dụng vật liệu mới, công nghệ mới trong việc bảo trì công trình.

5. Đề xuất cấp trên giải quyết những vướng mắc trong nhiệm vụ quản lý bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông công chính theo phân cấp.

6. Thống kê, nghiên cứu và trình cấp có thẩm quyền về việc điều chỉnh bổ sung các quy chuẩn, quy trình, định ngạch, định mức, đơn giá chuyên ngành đối với công tác bảo trì hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông công chính.

7. Sửa chữa đột xuất, khắc phục hậu quả do thiên tai hoặc các nguyên nhân khác.

8. Thông báo kế hoạch và báo cáo kết quả công tác bảo trì (định kỳ hàng quý) để phối hợp tốt trong việc thực hiện.

9. Bảo đảm các loại vật tư, thiết bị, phương tiện dự phòng cho công tác đảm bảo giao thông.

Điều 8. Phối hợp trong công tác khai thác hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông công chính

1. Điều tra xã hội, tiếp nhận các ý kiến của cộng đồng đối với việc khai thác hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông công chính.

2. Tổ chức kiểm tra, đề xuất phương án tối ưu trong việc sử dụng, khai thác công trình có hiệu quả với hiệu suất cao.

3. Tổ chức thực hiện các phương án đổi mới trong phân luồng giao thông và trật tự an toàn giao thông khu vực.

4. Tổ chức quản lý, lắp đặt, điều chỉnh các loại biển báo hiệu, biển báo giao thông hạ tầng giao thông công chính cho phù hợp. Xây dựng và duy trì các mốc bảo vệ hành lang an toàn của công trình.

Điều 9. Phối hợp trong công tác nâng cấp và phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông công chính

1. Điều tra xã hội, tiếp nhận các ý kiến của cộng đồng đối với công tác quy hoạch, đầu tư nâng cấp và phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông công chính.

2. Lập kế hoạch nâng cấp và phát triển các công trình thuộc hệ thống hạ tầng giao thông công chính theo quy hoạch được duyệt một cách phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Thống nhất danh mục các công trình trong từng lĩnh vực cần nâng cấp và phát triển trong từng thời kỳ theo mục tiêu ưu tiên của nhiệm vụ chính trị đề ra.

3. Thống nhất quy mô nâng cấp đảm bảo việc khai thác sử dụng công trình đồng bộ và hiệu quả.

4. Thỏa thuận việc đấu nối hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông công chính ngay từ bước lập dự án.

5. Phối hợp trong công tác bồi thường thiệt hại, giải phóng mặt bằng và chống tái lấn chiếm trước và sau khi công trình hoàn thành.

6. Tổ chức kiểm tra và xử lý công trình khi có sự cố.

Chương III PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM

Điều 10. Trách nhiệm và quyền hạn của cơ quan chủ trì phối hợp

1. Xây dựng kế hoạch thực hiện công tác phối hợp, trong đó xác định nhiệm vụ của từng cơ quan phối hợp.

2. Tổ chức các hoạt động phối hợp theo kế hoạch.

3. Thông báo cho cơ quan phối hợp về tình hình tham gia của cán bộ, công chức được cử tham gia phối hợp; duy trì mối liên hệ với cơ quan phối hợp và đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ phối hợp được phân công; kiểm tra việc thực hiện của cơ quan phối hợp.

4. Cung cấp thông tin, tài liệu cần thiết theo đề nghị của cơ quan phối hợp và các điều kiện đảm bảo khác cho công tác phối hợp.

5. Tổng hợp và tổ chức nghiên cứu, tiếp thu ý kiến của cơ quan phối hợp; báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố về các vấn đề còn có ý kiến khác nhau.

6. Lưu trữ hồ sơ theo quy định của pháp luật;

7. Báo cáo đề xuất hoặc giải trình nội dung liên quan cho Ủy ban nhân dân thành phố hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền về tình hình phối hợp theo quy định trong Quy chế này.

Điều 11. Trách nhiệm và quyền hạn của cơ quan phối hợp

1. Tham gia các hoạt động phối hợp theo kế hoạch chuẩn bị của cơ quan chủ trì phối hợp.

2. Cung cấp các thông tin có liên quan đến công việc cần phối hợp công tác.

3. Cử cán bộ, công chức đủ năng lực và tạo điều kiện thuận lợi để cán bộ, công chức tham gia công tác phối hợp.

4. Có ý kiến kịp thời về vấn đề mà cán bộ, công chức được cử phối hợp báo cáo và được quyền bảo lưu ý kiến đối với các vấn đề còn chưa thống nhất.

5. Tuân thủ về thời gian góp ý kiến theo yêu cầu của cơ quan chủ trì phối hợp và chịu trách nhiệm về các ý kiến của cơ quan mình.

6. Cung cấp thông tin, số liệu và chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin, số liệu đó.

7. Yêu cầu cơ quan chủ trì phối hợp cung cấp tài liệu, thông tin cần thiết, phục vụ cho công tác phối hợp.

8. Đề nghị cơ quan chủ trì phối hợp điều chỉnh thời gian phối hợp để đảm bảo chất lượng công tác phối hợp.

9. Báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố trong trường hợp đơn vị chủ trì không mời tham gia các hoạt động phối hợp; báo cáo đề xuất các vấn đề có liên quan đến việc phối hợp được quy định trong Quy chế này cho Ủy ban nhân dân thành phố.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của cán bộ, công chức được cử tham gia phối hợp

1. Thực hiện các nhiệm vụ được phân công theo kế hoạch công tác phối hợp của cơ quan chủ trì phối hợp.

2. Có trách nhiệm báo cáo Thủ trưởng cơ quan về công tác phối hợp của mình; chủ động đề xuất ý kiến tham gia, xin ý kiến Thủ trưởng cơ quan khi cần thiết; truyền đạt chính xác ý kiến của Thủ trưởng cơ quan mình khi phát biểu ý kiến về những vấn đề còn có ý kiến khác nhau thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn.

3. Bảo lưu quan điểm khi ý kiến của mình khác với ý kiến của các đơn vị, cá nhân khác.

4. Được Thủ trưởng cơ quan tạo điều kiện thuận lợi để hoàn thành các nhiệm vụ phối hợp.

5. Được khen thưởng khi hoàn thành tốt nhiệm vụ phối hợp và chịu trách nhiệm khi không hoàn thành nhiệm vụ phối hợp.

Điều 13. Trách nhiệm Sở Giao thông - Công chính

1. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trực thuộc thực hiện tốt công tác phối hợp.

2. Yêu cầu Ủy ban nhân dân các quận - huyện và các đơn vị trực thuộc phối hợp thực hiện công tác.

3. Tổ chức kiểm điểm rút kinh nghiệm về công tác phối hợp; Tổ chức giao ban với Ủy ban nhân dân các quận - huyện để đánh giá và tìm biện pháp thực hiện công tác phối hợp được tốt hơn.

4. Thực hiện chức năng quản lý nhà nước chuyên ngành giao thông công chính trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

5. Cấp, thu hồi các loại giấy phép và văn bản đã thỏa thuận theo quy định của Ủy ban nhân dân thành phố.

6. Tổ chức tập huấn, cập nhật thông tin mới cho cán bộ, công chức của Ủy ban nhân dân các quận - huyện về công tác quản lý, bảo trì, nâng cấp và phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông công chính.

7. Báo cáo định kỳ và đột xuất công tác phối hợp theo quy định và yêu cầu của cấp có thẩm quyền. Tổ chức sơ kết 06 tháng/lần và báo cáo kết quả thực hiện cho Ủy ban nhân dân thành phố.

8. Thông tin cho Ủy ban nhân dân các quận - huyện về kế hoạch bảo trì, xây

dựng hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông công chính thuộc cơ quan chuyên ngành của Sở quản lý, thực hiện theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân các quận - huyện.

Điều 14. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các quận - huyện:

1. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trực thuộc thực hiện tốt công tác phối hợp.
2. Yêu cầu Sở Giao thông - Công chính và các đơn vị trực thuộc thực hiện công tác phối hợp.
3. Báo cáo định kỳ (hàng quý) và đột xuất (khi có yêu cầu) về công tác phối hợp cho Sở Giao thông - Công chính và Ủy ban nhân dân thành phố.
4. Định kỳ hàng quý tổ chức kiểm điểm rút kinh nghiệm về công tác phối hợp. Tham gia họp giao ban do Sở Giao thông - Công chính tổ chức.
5. Cấp, thu hồi các loại giấy phép và văn bản đã thỏa thuận theo quy định của Ủy ban nhân dân thành phố.

Chương IV

KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 15. Khen thưởng

Tập thể, cá nhân có thành tích trong công tác phối hợp, hoàn thành nhiệm vụ được giao, sẽ được xem xét khen thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

Điều 16. Xử lý vi phạm

1. Thủ trưởng các cơ quan phối hợp không chấp hành nghiêm túc chế độ trách nhiệm trong hoạt động phối hợp của Quy chế này sẽ bị xem xét xử lý kỷ luật tùy theo tính chất, mức độ vi phạm.

2. Cán bộ, công chức được cử tham gia phối hợp không thực hiện đầy đủ các trách nhiệm quy định tại Điều 12 sẽ bị cơ quan quản lý cán bộ, công chức đó xem xét xử lý theo pháp luật về cán bộ, công chức và quy định của Bộ Luật Lao động.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 17. Trách nhiệm thi hành

1. Giám đốc Sở Giao thông - Công chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện có trách nhiệm phổ biến, hướng dẫn và thi hành Quy chế này.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, bất cập cần thiết phải điều chỉnh cho phù hợp, Sở Giao thông - Công chính có trách nhiệm tổng hợp và đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố để xem xét, quyết định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hữu Tín

QUẬN 12

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 12

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 06/2007/CT-UBND

Quận 12, ngày 02 tháng 11 năm 2007

CHỈ THỊ

VỀ CÔNG TÁC ĐĂNG KÝ NGHĨA VỤ QUÂN SỰ, TUYỂN CHỌN VÀ GỌI CÔNG DÂN NHẬP NGŨ, CÔNG TÁC TUYỂN SINH QUÂN SỰ NĂM 2008

Những năm qua, quận đã thực hiện tốt công tác đăng ký nghĩa vụ quân sự, tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ, tuyển sinh quân sự liên tục nhiều năm liền hoàn thành 100% chỉ tiêu ở 2 cấp, bảo đảm chất lượng ngày càng nâng lên theo yêu cầu xây dựng quân đội trong tình hình mới. Căn cứ Hướng dẫn số 141/HD-BCH ngày 19 tháng 7 năm 2007 của Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố về triển khai quy trình tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ năm 2008 và những năm tiếp theo. Ủy ban nhân dân quận 12 chỉ thị:

1. Giao trách nhiệm Ban Chỉ huy Quân sự quận: Hướng dẫn Hội đồng Nghĩa vụ quân sự quận, phường tổ chức triển khai công tác đăng ký nghĩa vụ quân sự năm 2008 cho nam công dân trong độ tuổi 17; đăng ký bổ sung các đối tượng là công dân từ đủ 18 đến hết 25 tuổi chưa đăng ký nghĩa vụ quân sự lần đầu; thực hiện công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ; công tác tuyển sinh quân sự; tổ chức kiểm tra việc đăng ký nghĩa vụ quân sự và tuyển quân năm 2008 trên địa bàn quận, hiệp đồng với các đơn vị nhận quân thống nhất hoàn thành chỉ tiêu giao quân đợt 1 năm 2008.

2. Giao Trưởng Công an quận: Chỉ đạo Công an phường phối hợp cùng Ban Chỉ huy Quân sự phường thực hiện tốt công tác đăng ký nghĩa vụ quân sự, tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ và thực hiện tốt công tác tuyển sinh quân sự năm 2008. Tham gia xét duyệt chặt chẽ về chính trị, đạo đức, quản lý nắm số lượng công dân trong độ tuổi sẵn sàng gọi nhập ngũ; tổ chức xác minh, kết luận chính trị về lai lịch của gia đình và bản thân công dân đủ điều kiện chuẩn bị gọi nhập ngũ. Phối hợp với các ngành có liên quan xử lý nghiêm số công dân vi phạm Luật Nghĩa vụ quân sự theo quy định của pháp luật, phối hợp Ban Chỉ huy Quân sự quận tuyển chọn đủ quân số theo chỉ tiêu đợt 01 năm 2008.

3. Giao Phòng Tư pháp quận: Phối hợp cùng Ban Chỉ huy Quân sự quận rà soát các văn bản quy phạm pháp luật đối với lĩnh vực tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ, giải đáp kịp thời những vướng mắc, giúp Ủy ban nhân dân phường triển khai công tác tuyển quân đúng pháp luật, có kế hoạch phổ biến rộng rãi về Luật Nghĩa vụ quân sự sửa đổi, bổ sung năm 2005.

4. Giao Phòng Y tế quận: Phối hợp với Ban Chỉ huy Quân sự quận củng cố bổ sung đủ người cho Hội đồng Khám sức khỏe nghĩa vụ quân sự đúng quy định, kiểm tra sức khỏe cho công dân đăng ký nghĩa vụ quân sự tuổi 17 và công dân từ đủ 18 tuổi đến hết 25 tuổi trong kế hoạch tuyển chọn nhập ngũ năm 2008, thực hiện kiểm tra xét nghiệm để phát hiện loại bỏ số nhiễm HIV và nghiện ma túy trong số thanh niên tham gia khám tuyển để khi giao quân không còn sai sót.

5. Giao Phòng Văn hóa Thông tin - Thể thao quận: Tổ chức tuyên truyền sâu rộng trong nhân dân, nhất là đối với các nam công dân trong độ tuổi nhập ngũ về Luật Nghĩa vụ quân sự, truyền thống Quân đội nhân dân Việt Nam để phục vụ công tác khám tuyển và giao nhận quân, chỉ đạo văn hóa thông tin phường phối hợp với Ban Chỉ huy Quân sự cùng cấp tổ chức trang trí địa điểm giao quân long trọng, chu đáo, tạo khí thế sôi động của ngày hội thanh niên tòng quân.

6. Giao Phòng Tài chính - Kế hoạch quận: Bảo đảm kinh phí cho công tác tuyển quân và các hoạt động khác, phục vụ cho công tác đăng ký nghĩa vụ quân sự, công tác động viên quân nhân dự bị, tuyển sinh quân sự từ quận đến phường.

7. Giao Phòng Giáo dục quận: Chỉ đạo điều tra nắm số thanh niên trong độ tuổi nghĩa vụ quân sự có trình độ học lực từ lớp 7 trở xuống, đề xuất xử lý các trường hợp khai man văn hóa, tạo điều kiện để Ủy ban nhân dân phường gọi công dân nhập ngũ được chính xác, đúng pháp luật.

8. Ủy ban nhân dân 11 phường:

- Củng cố, kiện toàn Hội đồng Nghĩa vụ quân sự phường đúng thành phần, số lượng quy định, tổ chức thực hiện các bước theo quy trình tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ. Giao Ủy ban nhân dân 11 phường tuyển chọn 2% đảng viên nhập ngũ theo chỉ tiêu giao quân và phải có thời gian kết nạp từ 6 tháng trở lên, chọn mỗi phường 02 thanh niên đủ tiêu chuẩn phục vụ lâu dài trong quân đội; tổ chức đón tiếp chu đáo và tạo điều kiện cho quân nhân xuất ngũ trở về địa phương sớm có việc làm ổn định, giải quyết kịp thời những khó khăn của gia đình có con em tại ngũ, để con em an tâm công tác hoàn thành nhiệm vụ.

- Chủ động phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể tại địa phương tổ chức tuyên truyền sâu rộng trong nhân dân, nhất là thanh niên trong độ tuổi thi hành nghĩa vụ quân sự về truyền thống yêu nước của dân tộc ta, truyền thống anh hùng của Quân đội nhân dân Việt Nam, Luật Nghĩa vụ quân sự, qua đó góp phần nâng cao nhận thức, xây dựng ý thức trách nhiệm của thanh niên đối với sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

9. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Quận đoàn, Hội liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu Chiến binh quận phối hợp với Ban Chỉ huy Quân sự quận (cơ quan Thường trực Hội đồng Nghĩa vụ quân sự quận), Phòng Tư pháp, Phòng Văn hóa Thông tin - Thể thao, Phòng Tài chính - Kế hoạch, các ban, ngành quận có liên quan tổ chức thực hiện thắng lợi công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ và công tác tuyển sinh quân sự năm 2008.

Ủy ban nhân dân quận yêu cầu Thủ trưởng các ngành, các cấp, các tổ chức, đơn vị có liên quan thực hiện nghiêm túc Chỉ thị này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Đặng Văn Đức

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 12

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 15/2007/QĐ-UBND

Quận 12, ngày 06 tháng 11 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH

**Về ban hành Quy trình phối hợp phòng ngừa và xử lý
những trường hợp khiếu nại, tố cáo đông người,
vi phạm trật tự công cộng**

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 12

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Khiếu nại, tố cáo ngày 02 tháng 12 năm 1998, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khiếu nại, tố cáo ngày 15 tháng 6 năm 2004 và ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 136/2006/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khiếu nại, tố cáo và các Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khiếu nại, tố cáo;

Căn cứ Chỉ thị số 36/2004/CT-TTg ngày 27 tháng 10 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc chấn chỉnh và tăng cường trách nhiệm của Thủ trưởng các cơ quan hành chính Nhà nước trong công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo;

Căn cứ Nghị định số 38/2005/NĐ-CP ngày 18 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ quy định một số biện pháp bảo đảm trật tự công cộng;

Căn cứ Chỉ thị số 20/2006/CT-UBND ngày 05 tháng 6 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố về chấn chỉnh và tăng cường trách nhiệm của Thủ trưởng các cơ quan hành chính Nhà nước trong công tác tiếp công dân, giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo trên địa bàn thành phố;

Căn cứ Quyết định số 95/2007/QĐ-UBND ngày 23 tháng 7 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy trình phối hợp phòng ngừa và xử lý những trường hợp khiếu nại, tố cáo đông người, vi phạm trật tự công cộng;

Căn cứ Chỉ thị số 06/2006/CT-UBND ngày 04 tháng 7 năm 2006 của Ủy ban nhân dân quận 12 về việc chấn chỉnh và tăng cường trách nhiệm của Thủ trưởng cơ quan hành chính Nhà nước trong công tác tiếp công dân, giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo trên địa bàn quận 12;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này Bản Quy trình phối hợp phòng ngừa và xử lý những trường hợp khiếu nại, tố cáo đông người, vi phạm trật tự công cộng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 07 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận, Thủ trưởng các phòng, ban, ngành quận và Chủ tịch Ủy ban nhân dân 11 phường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Đặng Văn Đức

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 12

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY TRÌNH

**Phối hợp phòng ngừa và xử lý những trường hợp khiếu nại,
tố cáo đông người, vi phạm trật tự công cộng**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 15/2007/QĐ-UBND
ngày 06 tháng 11 năm 2007 của Ủy ban nhân dân quận)*

Chương I **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Bản Quy trình này quy định chi tiết các giai đoạn của quá trình các cơ quan chức năng chủ động phối hợp phòng ngừa và xử lý những trường hợp khiếu nại, tố cáo đông người, vi phạm trật tự công cộng trên địa bàn quận.

Điều 2. Mục đích yêu cầu

1. Cơ sở để phối hợp tổ chức thực hiện, cung cấp, thu thập và phân tích, đánh giá dự báo tình hình khiếu nại, tố cáo của công dân trên các vụ việc nói chung. Riêng các vụ việc khiếu nại, tố cáo đông người phức tạp có liên quan đến công tác quy hoạch, bồi thường giải phóng mặt bằng và tái định cư, cần làm cho thông tin được chuyển tải nhất quán, chính xác từ cơ sở đến quận, đến các cơ quan chức năng và các cơ quan thông tin đại chúng.

2. Phát huy dân chủ đi đôi với tăng cường kỷ cương, ngăn ngừa, khắc phục tình trạng công dân khiếu nại, tố cáo vượt cấp, không đúng nơi quy định, gây mất trật tự nơi công sở hoặc nhà riêng của các đồng chí lãnh đạo, ảnh hưởng đến an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội.

3. Chính quyền cùng phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể từ quận đến phường phải thống nhất cách chỉ đạo giải quyết nhanh, có hiệu quả những vụ việc khiếu nại, tố cáo đông người phức tạp để có kết luận, phân định rõ trách nhiệm của cá nhân, của các phòng, ban, ngành và của công dân trong quá trình thực hiện và chấp hành các quy định của pháp luật; thống nhất đề xuất các biện pháp

giúp lãnh đạo chỉ đạo giải quyết những vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

4. Góp phần có hiệu quả trong việc phòng, chống vi phạm pháp luật trong lĩnh vực khiếu nại, tố cáo.

Điều 3. Nội dung quy trình

Quy trình này quy định nguyên tắc, cách thức, các giai đoạn của quá trình phối hợp giữa Chính quyền, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể trong công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo đúng pháp luật, kịp thời; thống nhất một số biện pháp để dự báo, phòng ngừa và xử lý những trường hợp khiếu nại, tố cáo đông người tại quận.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

Trong Quy trình này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Khiếu nại đông người là khiếu nại có từ 5 người trở lên có liên quan đến việc triển khai thực hiện các dự án đầu tư phát triển hoặc có từ 5 người từ một số vụ việc riêng lẻ khác nhau, liên kết lại để khiếu nại vào cùng một thời điểm, tại một địa điểm.

2. Vụ việc khiếu nại, tố cáo đông người phức tạp là vụ việc thường xảy ra có liên quan đến công tác quy hoạch, bồi thường giải tỏa mặt bằng và tái định cư hoặc một số vấn đề dân sinh khác mà trong đó có một số người dân không đồng ý với cách giải quyết của Chính quyền hoặc của chủ đầu tư mà tập hợp thành đoàn đông người để khiếu nại, tố cáo.

3. Phối hợp giữa Chính quyền, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể là sự phối hợp giữa Ủy ban nhân dân quận, phường với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc quận, phường và một số các đơn vị trực thuộc có liên quan đến quá trình tham gia giải quyết những vụ khiếu nại, tố cáo đông người, phức tạp.

4. Đợt công tác trọng điểm là đợt công tác cần phải tập trung nhân lực để dự báo hoặc giải quyết những vụ khiếu nại, tố cáo đông người, phức tạp phát sinh trong thời gian diễn ra các sự kiện chính trị lớn của đất nước, các hội nghị quốc gia và quốc tế quan trọng.

Điều 5. Những nguyên tắc

1. Tập trung giải quyết nhanh các nội dung khiếu nại, tố cáo đúng pháp luật, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của công dân; xử lý cán bộ, công chức sai phạm; hạn chế đến mức thấp nhất việc phát sinh các vụ việc khiếu nại, tố cáo đông người

phức tạp từ cơ sở; tập trung, kiên quyết giải quyết nhanh, dứt điểm các vụ việc khiếu nại, tố cáo đông người phức tạp đã phát sinh, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của cơ quan lãnh đạo Đảng và Nhà nước.

2. Thực hiện đồng bộ các biện pháp giáo dục, thuyết phục với biện pháp hành chính, kể cả biện pháp hình sự khi cần thiết; trong đó áp dụng biện pháp giáo dục, thuyết phục là chính; kiên quyết xử lý những trường hợp người khiếu nại, tố cáo cố ý vi phạm pháp luật.

3. Trong quá trình thực hiện, khi có tình huống đặc biệt phức tạp và có ý kiến chỉ đạo, lệnh của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận khác với Quy trình này thì thực hiện theo ý kiến chỉ đạo, lệnh của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận.

Chương II

QUY TRÌNH PHÒNG NGỪA PHÁT SINH KHIẾU NẠI, TỐ CÁO ĐÔNG NGƯỜI

Điều 6. Công bố quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và công bố quy hoạch xây dựng

1. Công bố quy hoạch theo: Quy định của pháp luật tại Điều 27 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai; Quy định tại Điều 32 Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003 về công bố quy hoạch xây dựng.

2. Nội dung công bố quy hoạch do người có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch quyết định.

Điều 7. Về tổ chức phối hợp tuyên truyền, vận động mọi tổ chức, cá nhân có liên quan đến dự án về chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư chấp hành và thực hiện giải phóng mặt bằng theo đúng quyết định thu hồi đất của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền

1. Hội đồng Phổ biến giáo dục pháp luật quận phối hợp với các cơ quan chức năng biên tập tài liệu tuyên truyền, tổ chức phối hợp tuyên truyền, vận động mọi tổ chức, cá nhân có liên quan đến dự án về chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư chấp hành và thực hiện giải phóng mặt bằng theo đúng quyết định thu hồi đất của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Tài liệu tuyên truyền có kèm văn bản báo cáo tổng hợp những vấn đề cơ bản liên quan đến việc thu hồi đất về chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và thực hiện giải phóng mặt bằng (theo mẫu M1- BCTH) để phục vụ cho công tác vận động và cập nhật đến khi đề án hoàn thành việc giải phóng mặt bằng, không còn khiếu nại, thắc mắc của các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Tài liệu tuyên truyền có nội dung ngắn gọn, dễ hiểu, dễ nhớ và phải kèm theo tài liệu như sau: Quyết định thu hồi đất và giao đất cho chủ đầu tư của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, kèm bản đồ hiện trạng vị trí đất bị thu hồi; quyết định thành lập Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của dự án; quyết định phê duyệt kèm theo phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của dự án đã được cấp có thẩm quyền thẩm định (bao gồm: danh sách của các tổ chức, cá nhân có liên quan đến dự án; việc áp dụng chính sách bồi thường, hỗ trợ của dự án; việc áp giá đất, giá tài sản để tính bồi thường; phương án bố trí tái định cư).

2. Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư quận và Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng thực hiện các công việc có liên quan đến việc thu hồi đất, việc công khai các vấn đề có liên quan đến việc thu hồi đất và tuyên truyền vận động các tổ chức, cá nhân có liên quan cùng thực hiện.

Chương III

QUY TRÌNH PHỐI HỢP XỬ LÝ CÁC VỤ VIỆC KHIẾU NẠI, TỐ CÁO ĐÔNG NGƯỜI PHỨC TẠP

Điều 8. Thông tin về các vụ việc khiếu nại, tố cáo đông người phức tạp

- Khi phát sinh các vụ việc khiếu nại, tố cáo đông người phức tạp, Thủ trưởng cơ quan nơi có đông người tụ tập hoặc chuẩn bị tụ tập thì báo cáo nhanh với Thường trực UBND quận hoặc đồng chí phụ trách trực tiếp.

- Thủ trưởng cơ quan nơi có dự án đang bị khiếu nại, chịu trách nhiệm cung cấp đầy đủ hồ sơ đã cập nhật cho cơ quan được Thường trực UBND quận phân công đơn vị xử lý các vụ việc khiếu nại, tố cáo đông người.

Điều 9. Tiếp nhận, xử lý thông tin và điều phối lực lượng

Sau khi tiếp nhận đầy đủ thông tin Thủ trưởng cơ quan quận, phường nơi phát sinh khiếu nại đông người phải có ngay tại địa điểm có đông người tụ tập để điều động lực lượng phối hợp (gồm đại diện lãnh đạo cơ quan Dân vận, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể quận, phường thành Tổ Công tác có Tổ trưởng, Tổ phó), mang

theo các tài liệu, hồ sơ có liên quan đến dự án đang bị khiếu nại, tố cáo và báo cáo tổng hợp ngắn gọn, đầy đủ phục vụ cho việc vận động thuyết phục, xử lý các vụ việc khiếu nại, tố cáo đông người.

Điều 10. Xử lý tình huống tại hiện trường

1. Phân công triển khai lực lượng:

a) Lực lượng bảo vệ an ninh trật tự (căn cứ vào nghiệp vụ và phân công của ngành) nhanh chóng ổn định và bảo vệ trật tự trên đường phố hoặc tại địa điểm đông người tụ tập; khi cần thiết thì phân công chốt chặn, cô lập các tuyến đường vào địa điểm đang có đông người tụ tập.

b) Lãnh đạo Tổ Công tác phối hợp xử lý khiếu nại, tố cáo và người đứng đầu Ủy ban nhân dân quận, phường nơi phát sinh khiếu nại đông người cùng đại diện lãnh đạo các cơ quan đoàn thể như: Dân vận, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể của quận, phường nhanh chóng hội ý cách thức xử lý và cử ra 02 thành viên Tổ Công tác để thống nhất chỉ đạo và thống nhất cách tiếp xúc, thuyết phục người dân đến đúng địa điểm tiếp công dân để được tiếp xúc.

c) Thành viên Tổ Công tác phối hợp xử lý khiếu nại, tố cáo điều động phương tiện để đưa người về địa phương nơi phát sinh vụ việc, tố cáo đông người (từ thành phố, quận về địa phương).

2. Tiếp xúc đại diện người khiếu nại, tố cáo:

a) Trường hợp số người khiếu nại, tố cáo quá đông thì Tổ Công tác phối hợp xử lý khiếu nại, tố cáo của quận tiếp từ 03 đến 05 người, đại diện người khiếu nại, tố cáo (do đoàn người khiếu nại, tố cáo tín nhiệm cử) để trực tiếp trình bày với Tổ Công tác. Nếu số người khiếu nại, tố cáo ít hoặc họ liên kết đông người, mỗi người có nội dung khiếu nại, tố cáo khác nhau thì Tổ Công tác phân công cán bộ tiếp từng người để nghe họ trình bày và hướng dẫn họ thực hiện việc khiếu nại, tố cáo đúng theo quy định của pháp luật.

b) Lãnh đạo cơ quan tiếp công dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, phường nơi phát sinh khiếu nại, tố cáo cùng chủ trì tiếp xúc: nêu rõ mục đích, yêu cầu, chương trình, nội quy tiếp xúc và kết luận rõ những việc cần làm sau khi nghe đại diện người khiếu nại, tố cáo trình bày, đồng thời vận động, thuyết phục đoàn người khiếu nại, tố cáo ra về trong trật tự và thực hiện việc khiếu nại, tố cáo đúng theo quy định của Luật Khiếu nại, tố cáo.

c) Khi tiếp đoàn đông người khiếu nại, tố cáo nên ghi âm, ghi hình, cơ quan Công an phụ trách địa bàn nơi tiếp đoàn đông người khiếu nại, tố cáo phải lập biên bản ghi nhận vụ việc vi phạm, ngăn chặn xử lý kịp thời hành vi kích động, gây rối làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của cơ quan nhà nước.

Điều 11. Giải quyết những vụ khiếu nại đông người làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của cơ quan Nhà nước

1. Khi phát sinh những vụ việc khiếu nại, tố cáo đông người làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của cơ quan Nhà nước tại quận, phường thì Thủ trưởng cơ quan nơi có đông người tụ tập phải thông báo cho Thủ trưởng cơ quan Công an phụ trách địa bàn kịp thời có biện pháp xử lý nhanh để ổn định tình hình.

2. Trường hợp vụ việc khiếu nại, tố cáo đông người quá phức tạp không tự xử lý được thì Thủ trưởng cơ quan có đông người tụ tập khiếu nại, tố cáo báo cáo nhanh cho Thường trực Tổ Công tác phối hợp xử lý các vụ việc khiếu nại, tố cáo đông người phức tạp nơi cơ quan mình trú đóng để phối hợp xử lý theo quy định tại Điều 10 của Quy trình này.

Điều 12. Phương pháp xử lý đối với các vụ việc khiếu nại, tố cáo đông người sau khi tiếp xúc

1. Đối với những vụ việc đã có ý kiến chỉ đạo của cấp trên hoặc kết luận giải quyết của ngành chức năng của thành phố, có quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật của Ủy ban nhân dân thành phố thì Ủy ban nhân dân quận khẩn trương tổ chức thực hiện.

2. Tổ Công tác phối hợp xử lý khiếu nại, tố cáo báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, đồng thời chuyển giao vụ việc cho Thủ trưởng ban, ngành, phòng hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường rà soát lại vụ việc bị khiếu nại, có kế hoạch tập trung giải quyết và xác định rõ thời gian dứt điểm từng vụ việc, trên tinh thần chăm lo và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân. Giải quyết một cách công khai, dân chủ và thông báo cho cá nhân, tổ chức biết tiến độ giải quyết đơn thư và hồ sơ khiếu nại, tố cáo.

3. Nếu nội dung khiếu nại, tố cáo có cơ sở thì Tổ Công tác phối hợp xử lý khiếu nại, tố cáo tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân quận chỉ đạo các cơ quan chức năng liên quan tự khắc phục, sửa chữa những sai sót trong thời hạn do Tổ trưởng Tổ Công tác ấn định hoặc báo cáo, kiến nghị cấp có thẩm quyền xem xét quyết định việc thay đổi, hủy bỏ các biện pháp, các quyết định giải quyết trước đó; kết luận về trách nhiệm và hình thức xử lý đối với cán bộ, công chức, cơ quan Nhà nước có sai phạm; quyết

định việc công bố những trường hợp điển hình trên các phương tiện thông tin đại chúng để có tác dụng giáo dục và phòng ngừa.

4. Việc giải quyết của các cấp, các ngành có thẩm quyền đúng chính sách, pháp luật thì Tổ Công tác đối thoại trực tiếp, giải thích, thuyết phục người khiếu nại, tố cáo để họ chấp hành, chấm dứt khiếu nại, tố cáo. Trong trường hợp người khiếu nại, tố cáo vẫn không chấp nhận thì Tổ trưởng Tổ Công tác có văn bản đề nghị cơ quan có chức năng giám sát hoặc tổ chức chính trị - xã hội đại diện cho lợi ích của người khiếu nại, tố cáo có ý kiến chính thức bằng văn bản đề Tổ Công tác công bố cho người khiếu nại, tố cáo biết.

Trường hợp người khiếu nại, tố cáo vẫn tỏ ra thiếu thiện chí, lạm dụng quyền khiếu nại, tố cáo để xuyên tạc, vu khống cán bộ, công chức, cơ quan nhà nước, gây rối trật tự công cộng, cư trú trái pháp luật thì Tổ trưởng Tổ Công tác yêu cầu cơ quan Công an áp dụng các biện pháp cưỡng chế hành chính hoặc áp dụng biện pháp xử lý hình sự theo quy định của pháp luật, đồng thời công bố rõ nội dung vụ việc trên các phương tiện thông tin đại chúng.

5. Đối với những vụ việc chưa được xem xét giải quyết theo trình tự, thủ tục do pháp luật quy định thì Tổ Công tác giải thích và có văn bản hướng dẫn người khiếu nại, tố cáo đến cơ quan có trách nhiệm để giải quyết theo thẩm quyền. Cơ quan có trách nhiệm giải quyết phải thụ lý, ra quyết định giải quyết theo quy định của pháp luật và báo cáo kết quả đến Tổ Công tác và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp.

Chương IV

ĐỊA ĐIỂM LÀM VIỆC, CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Điều 13. Địa điểm làm việc của Thường trực Tổ Công tác phối hợp xử lý khiếu nại, tố cáo

Địa điểm làm việc của Thường trực Tổ Công tác phối hợp xử lý khiếu nại, tố cáo của Ủy ban nhân dân quận đặt tại văn phòng Tổ Tiếp công dân quận 12.

Điều 14. Chế độ báo cáo và hình thức gửi báo cáo

Báo cáo: Báo cáo nhanh, báo cáo tuần, báo cáo tháng và báo cáo sơ kết trong từng đợt công tác trọng điểm.

Hình thức báo cáo:

- Báo cáo nhanh: Gửi trong ngày, sau khi có sự kiện xảy ra (bằng văn bản hoặc đích thực).

- Báo cáo tuần gửi vào ngày thứ hai, đầu tuần sau trong đợt công tác trọng điểm hoặc có sự kiện xảy ra.

- Báo cáo sơ kết gửi sau 6 ngày khi kết thúc từng đợt công tác, sau khi có những sự kiện xảy ra.

Điều 15. Nơi tiếp nhận báo cáo

Báo cáo của phòng, ban có liên quan đến các vụ việc khiếu nại, tố cáo đông người phức tạp được gửi đến Tổ Công tác phối hợp xử lý khiếu nại, tố cáo của Ủy ban nhân dân quận.

Điều 16. Chế độ giao ban và nội dung giao ban

1. Tổ Công tác phối hợp xử lý khiếu nại, tố cáo của Ủy ban nhân dân quận họp giao ban hàng tuần vào chiều thứ sáu tại trụ sở Ủy ban nhân dân quận (căn cứ vào lịch tuần của Ủy ban nhân dân quận, trừ trường hợp đột xuất thì có thư mời riêng).

2. Nội dung giao ban: Kiểm điểm công tác tuần, bàn biện pháp tháo gỡ những vướng mắc, đề ra kế hoạch, phân công công tác tuần tới và lập báo cáo diễn biến tình hình, đề xuất giải quyết những vướng mắc trong việc triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách đối với từng vụ việc để Thường trực Ủy ban nhân dân cùng cấp chỉ đạo giải quyết.

Chương V TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 17. Thành lập Tổ Công tác phối hợp xử lý khiếu nại, tố cáo

1. Quyết định thành lập Tổ Công tác

Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận ký quyết định thành lập Tổ Công tác.

2. Thành viên Tổ Công tác của Ủy ban nhân dân quận

a) Lãnh đạo Ủy ban nhân dân quận, Tổ trưởng;

b) Tổ trưởng Tổ Tiếp công dân quận, Tổ phó Thường trực;

c) Lãnh đạo Thanh tra quận, Tổ phó;

d) Lãnh đạo Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận, Tổ phó;

đ) Lãnh đạo Ban Dân vận Quận ủy, thành viên;

e) Lãnh đạo Hội Cựu Chiến binh quận, thành viên;

- g) Lãnh đạo Phòng Tư pháp, thành viên;
- h) Lãnh đạo Công an quận, thành viên;
- i) Lãnh đạo Phòng Tài chính - Kế hoạch, thành viên;
- k) Lãnh đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường, thành viên;
- l) Lãnh đạo Phòng Quản lý đô thị, thành viên;
- m) Lãnh đạo Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng, thành viên;
- n) Lãnh đạo Đội Quản lý trật tự đô thị, thành viên;
- o) Lãnh đạo Ủy ban nhân dân phường nơi có phát sinh khiếu nại, tố cáo đồng người sẽ là thành viên đương nhiên của Tổ Công tác;
- p) Các thành viên của Tổ Công tác chịu trách nhiệm trung dụng cán bộ, công chức có tâm huyết, có năng lực, trình độ, am hiểu pháp luật, tác phong nhanh nhẹn để phục vụ cho Tổ Công tác, đáp ứng yêu cầu đối với từng đợt công tác trọng điểm.

Điều 18.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, Thủ trưởng các phòng, ban và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường tập trung chỉ đạo rà soát lại cơ sở pháp lý, củng cố hồ sơ của các dự án và các vụ việc khiếu nại gay gắt kéo dài; quá trình giải quyết khiếu nại, tố cáo của các cơ quan chức năng để thống nhất giải thích cho người khiếu nại, tố cáo; tăng cường tiếp xúc công dân nơi phát sinh khiếu nại, tố cáo đồng người để nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của người dân; vận động, giải thích để giải quyết dứt điểm các vụ việc, không để xảy ra tình trạng khiếu nại kéo dài, tụ tập đông người tại trụ sở các cơ quan Đảng và Nhà nước.

Điều 19.

Chánh Thanh tra quận chủ trì, phối hợp các cơ quan hữu quan tiến hành tổ chức kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận đã được quy định tại Điều 18 của Quy trình này. Trong trường hợp cần thiết thì phối hợp với các thành viên của Tổ Công tác phối hợp xử lý khiếu nại, tố cáo của Ủy ban nhân dân quận triệu tập Thủ trưởng cơ quan đơn vị hợp để đề xuất biện pháp tổ chức chỉ đạo, xử lý đối với các vụ việc khiếu nại, tố cáo phức tạp kéo dài.

Điều 20.

Thành viên của Tổ Công tác phối hợp xử lý khiếu nại, tố cáo thuộc Ban Dân vận Quận ủy; Hội Cựu Chiến binh quận và phường tiến hành xem xét, góp ý đối với việc

thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở của Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của dự án và Chủ đầu tư về việc tổ chức phổ biến, giải thích, hướng dẫn thực hiện cụ thể phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt) đến các đối tượng bị thu hồi đất trong khu vực quy hoạch xây dựng công trình; đồng thời tham mưu cho Tổ Công tác phối hợp xử lý khiếu nại, tố cáo tình hình và đề xuất biện pháp giải quyết đối với việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận đã thực hiện những biện pháp để giúp đỡ, tạo điều kiện để các hộ bị ảnh hưởng của dự án sớm ổn định chỗ ở và cuộc sống nơi mới.

Điều 21.

Thành viên của Tổ Công tác phối hợp xử lý khiếu nại, tố cáo thuộc Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận; Phòng Tài nguyên và Môi trường, Phòng Quản lý đô thị, Đội Quản lý trật tự đô thị, Tổ Tiếp công dân quận theo chức năng, nhiệm vụ của cơ quan mình, tham mưu về tình trạng pháp lý của các chủ thể sử dụng đất, về giá trị pháp lý của các quyết định thu hồi đất đang được áp dụng tại các dự án có khiếu nại, tố cáo; tham mưu về bố trí sử dụng nhà ở hoặc các căn hộ tại các khu tái định cư, có liên quan đến các dự án đang phát sinh khiếu nại, tố cáo, tổng hợp báo cáo nhanh, báo cáo tuần, báo cáo tháng và báo cáo sơ kết, tổng kết các đợt công tác và nội dung chương trình họp của Tổ Công tác phối hợp xử lý khiếu nại, tố cáo.

Điều 22.

Trong quá trình thực hiện Quy trình này, nếu có vướng mắc, phát sinh, Tổ Công tác phối hợp xử lý khiếu nại, tố cáo của Ủy ban nhân dân quận phối hợp cùng Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, Thủ trưởng các cơ quan, phòng, ban có liên quan và các Chủ đầu tư kịp thời báo cáo, đề xuất trình Ủy ban nhân dân quận xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Đặng Văn Đức

HUYỆN HỌC MÔN**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN HỌC MÔN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 05/2007/QĐ-UBND

*Hóc Môn, ngày 26 tháng 10 năm 2007***QUYẾT ĐỊNH****Về việc ban hành Quy chế tạm thời về tổ chức và hoạt động
của lực lượng dân phòng tự nguyện ở xã, thị trấn**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Chỉ thị số 02/CT-HU ngày 24 tháng 10 năm 2007 của Ban Thường vụ Huyện ủy Hóc Môn về việc “Tăng cường lãnh đạo phát triển, nâng cao chất lượng, hiệu quả phong trào quần chúng bảo vệ an ninh tổ quốc trên địa bàn huyện Hóc Môn”;

Xét đề nghị của Trưởng Công an huyện Hóc Môn,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế tạm thời về tổ chức và hoạt động của lực lượng dân phòng tự nguyện ở xã, thị trấn”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 07 (bảy) ngày, kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện, Trưởng Phòng Nội vụ huyện, Trưởng Công an huyện, Thủ trưởng các phòng, ban có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn thuộc huyện Hóc Môn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH****Nguyễn Văn Khỏe**

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ TẠM THỜI

Về tổ chức và hoạt động của

lực lượng dân phòng tự nguyện ở các xã, thị trấn

(Ban hành kèm theo Quyết định số 05/2007/QĐ-UBND

ngày 26 tháng 10 năm 2007 của Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn)

Chương I

VỊ TRÍ CHỨC NĂNG VÀ NHIỆM VỤ

Điều 1. vị trí chức năng

Dân phòng tự nguyện của xã, thị trấn là tổ chức quần chúng tự nguyện, tham gia các hoạt động giữ gìn an ninh - trật tự và phòng cháy chữa cháy (sau đây gọi tắt là an ninh trật tự ở cơ sở) do Ủy ban nhân dân xã, thị trấn tổ chức. Đặt dưới sự lãnh đạo tập trung thống nhất của Đảng ủy, sự quản lý điều hành của UBND xã, thị trấn và chỉ huy trực tiếp của Công an xã, thị trấn; là lực lượng nòng cốt trong phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc.

Điều 2. Nhiệm vụ của lực lượng dân phòng tự nguyện

1. Gương mẫu chấp hành và vận động nhân dân chấp hành đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các quy ước về an ninh trật tự, phòng cháy, chữa cháy và phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc.

2. Cùng với Công an xã, thị trấn trực, tuần tra, chốt trong công tác phòng, chống tội phạm, cấp cứu người bị nạn, bảo vệ hiện trường, hạn chế thiệt hại về người và tài sản do tội phạm gây ra; thu giữ, bảo quản các hung khí, tang vật chứng có liên quan giao cho Công an xử lý.

3. Tích cực tham gia công tác phòng cháy, chữa cháy, phòng chống lụt bão, khắc phục hậu quả do thiên tai gây ra, cấp cứu người bị nạn, bảo vệ các cuộc lễ hội, các ngày lễ, Tết tham gia bảo vệ hiện trường các vụ việc liên quan an ninh trật tự theo sự phân công của Công an hoặc UBND xã, thị trấn.

4. Tham gia công tác giữ gìn trật tự lòng, lề đường, giải tỏa các công trình, đồ vật vi phạm các quy định về quản lý trật tự đô thị theo sự chỉ huy của Công an.

Chương II

CƠ CẤU TỔ CHỨC, BIÊN CHẾ VÀ TIÊU CHUẨN TUYỂN CHỌN

Điều 3. Cơ cấu tổ chức, biên chế

Ở mỗi xã, thị trấn tổ chức xây dựng 01 Đội dân phòng tự nguyện. Mỗi Đội từ 12 người đến 15 người, có 01 Đội trưởng, 01 Đội phó và chia thành tổ.

Điều 4. Tiêu chuẩn tuyển chọn

1. Mọi công dân không phân biệt nam, nữ, dân tộc, tôn giáo, nghề nghiệp, thành phần xã hội; từ 18 đến 50 tuổi có lý lịch rõ ràng, có sức khỏe, bản thân và gia đình chấp hành tốt các chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước; được nhân dân tín nhiệm, nếu có đơn tự nguyện tham gia lực lượng dân phòng đều có thể tuyển chọn vào lực lượng.

2. Việc tuyển chọn người vào dân phòng tự nguyện do Công an xã, thị trấn và Xã đội - Thị đội thống nhất xem xét trình UBND xã, thị trấn ra quyết định công nhận.

Chương III

CHỨC TRÁCH, LỀ LỐI LÀM VIỆC, QUAN HỆ CÔNG TÁC VÀ QUYỀN HẠN CỦA ĐỘI DÂN PHÒNG TỰ NGUYỆN

Điều 5. Chức trách, lề lối làm việc của lực lượng dân phòng tự nguyện

Lực lượng dân phòng tự nguyện chịu sự điều hành, quản lý trực tiếp của Công an xã, thị trấn. Hàng tuần Công an xã, thị trấn phải có kế hoạch, chương trình hoạt động cho lực lượng dân phòng trên địa bàn.

Lực lượng dân phòng tự nguyện có trách nhiệm báo cáo kịp thời cho Ban Chỉ huy Công an xã, thị trấn tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ; phải giữ bí mật công tác và thông tin do nhân dân cung cấp.

Định kỳ hàng tuần, Đội trưởng phải tổ chức sinh hoạt nội bộ để kiểm điểm tình hình thực hiện nhiệm vụ và xây dựng chương trình, kế hoạch công tác. Khi cần có thể sinh hoạt đột xuất để bàn giải quyết các công việc có tính cấp bách.

Định kỳ 6 tháng, hàng năm Đội tổ chức sơ kết, tổng kết kết quả công tác, bình bầu thi đua. Các hội nghị về sơ, tổng kết do Ban Chỉ huy Công an xã, thị trấn chủ trì và báo cáo các kết quả cho UBND xã, thị trấn, Công an huyện theo quy định.

Điều 6. Quyền hạn

Trong khi thực hiện nhiệm vụ, Đội dân phòng tự nguyện được:

1. Hướng dẫn, nhắc nhở nhân dân trên địa bàn chấp hành các quy định về đảm bảo an ninh trật tự, phòng cháy, chữa cháy theo quy định của pháp luật.
2. Hỗ trợ Công an xã, thị trấn hoặc trực tiếp ngăn chặn kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật.
3. Bắt, dẫn giải người phạm tội quả tang, người có lệnh truy nã và tang vật chứng liên quan đến phạm pháp đến Công an xã, thị trấn để xử lý.
4. Tham gia kiểm tra, đôn đốc việc chấp hành các quy định, nội quy an ninh, trật tự, phòng cháy, chữa cháy.

Điều 7. Những việc lực lượng dân phòng tự nguyện không được làm

1. Lợi dụng việc tuần tra, canh gác hoặc khi làm nhiệm vụ để thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm các quy định của chính quyền địa phương.
2. Dùng vũ lực đánh người.
3. Giữ người và tang vật chứng liên quan phạm pháp ở trụ sở dân phòng hoặc ở nơi khác mà không giao cho cơ quan Công an quản lý.
4. Uống rượu, bia hoặc có mùi rượu, bia trong khi làm nhiệm vụ.

Chương IV

CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH, TRANG BỊ HUẤN LUYỆN, BẢO ĐẢM HOẠT ĐỘNG CỦA LỰC LƯỢNG DÂN PHÒNG TỰ NGUYỆN

Điều 8. Chế độ phụ cấp, khen thưởng và kỷ luật

1. Đội viên dân phòng tự nguyện được hưởng tiền bồi dưỡng hàng tháng từ Quỹ an ninh, quốc phòng, mức phụ cấp tùy nguồn Quỹ của xã, thị trấn nhưng tối thiểu là 400.000 đồng/người/tháng; được tạm miễn tiền đóng Quỹ an ninh, quốc phòng.
2. Khi làm nhiệm vụ lập thành tích xuất sắc được khen thưởng theo Luật Thi đua, khen thưởng. Nếu bị thương khi làm nhiệm vụ thì được chữa trị kịp thời, nếu hy sinh được trợ cấp mai táng và được xem xét các chế độ chính sách nhà nước ban hành.
3. Ngoài việc khen thưởng đột xuất Đội dân phòng tự nguyện và đội viên được xét thi đua, khen thưởng theo quy định chung của UBND thành phố và của ngành Công an.

4. Tập thể Đội, đội viên dân phòng vi phạm pháp luật, vi phạm kỷ luật gây ảnh hưởng xấu đến ANTT và uy tín của tổ chức thì tùy theo mức độ sẽ bị xử lý bằng các hình thức: khiển trách, cảnh cáo, đưa ra khỏi lực lượng, xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự.

Điều 9. Trang bị phương tiện công tác của đội viên dân phòng tự nguyện

1. Đội dân phòng tự nguyện được trang bị công cụ hỗ trợ cần thiết trong khi làm nhiệm vụ theo quy định của ngành Công an.

2. Đội viên được cấp trang phục 01 bộ/năm. Riêng năm đầu mới tham gia được cấp 2 bộ. Đồng phục màu xanh đen (xanh công nhân) gồm quần dài, áo Bludông dài tay có 02 túi ngực, ngực áo bên trái có gắn bảng tên màu trắng khổ 4 x 6 cm, bên trên có ghi tên xã, thị trấn, tên dân phòng tự nguyện, ở giữa ghi họ tên, bên dưới ghi số (04 số); giày vải bata màu xanh đen, mũ vải mềm màu xanh đen, khi làm nhiệm vụ chữa cháy thì sử dụng nón nhựa, ủng cao su.

Điều 10. Huấn luyện

Đội viên dân phòng hàng năm được bồi dưỡng chính trị, tập huấn nghiệp vụ. Thời gian và chương trình theo quy định của ngành Công an.

Hàng năm Công an huyện có kế hoạch tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ giúp lực lượng dân phòng nâng cao kiến thức hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Theo ủy quyền của Công an huyện, Công an xã, thị trấn chịu trách nhiệm tổ chức, chỉ huy, huấn luyện và hướng dẫn lực lượng dân phòng hoạt động.

Trưởng Công an huyện, Chủ tịch xã, thị trấn đôn đốc kiểm tra việc huấn luyện đảm bảo lực lượng dân phòng tự nguyện có đủ phẩm chất, chính trị và năng lực chuyên môn để hoàn thành nhiệm vụ.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 11. Ban Chỉ huy Công an huyện chịu trách nhiệm trước UBND huyện về hướng dẫn, kiểm tra việc xây dựng và hoạt động của lực lượng dân phòng tự nguyện.

Trưởng Công an xã, thị trấn tham mưu cấp ủy, UBND đề ra nội quy, chương trình, kế hoạch, số lượng, biên chế và hướng dẫn hoạt động lực lượng dân phòng tự nguyện phù hợp với tình hình, nhiệm vụ của địa phương và các chủ trương quy định của Nhà nước.

Điều 12. Chủ tịch UBND các xã, thị trấn có trách nhiệm chỉ đạo các ngành, Công an xã, thị trấn tổ chức thực hiện những nhiệm vụ có liên quan đến tổ chức, xây dựng, huấn luyện, chế độ đãi ngộ, khen thưởng, kỷ luật đối với dân phòng tự nguyện đã được quy định tại Quy chế này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Khỏe

UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: ttcb@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Công ty TNHH 1 thành viên in Người Lao Động

Giá: 5.000 đồng